Năm thứ hai — Số 71
Tuần-lễ từ thứ tư 4 Novembre
đến thứ ba 10 Novembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Những chuyện mê-tín, hoang-đường còn trong sử sách — *Hoa-Bằng*
Tra nghĩa chữ nho (XXII) — *Nguyễn văn-Tố*
Cách viết khoa-học (II) — *Nguyễn trọng-Thuyết*
Óc khoa-cử từ đông sang tây — *Phạm Mạnh-Phan*
Thơ Đường ở Nhật-bản (V) — *Bách-thảo Sương Tiên-nữ*
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (du-ký, XI) — *Nhật-Nham*
Đời bí-mật của nàng Vương Thúy-Kiều — *Hoàng-Diệp*
Những ông nghè triều Lê (XLI) — *Ứng-Hòe*
Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ XLVI — *Nguyễn văn-Tố*
Nam đàn bát châu (VII) — *Tùng-Vân Nguyễn đôn-Phục*
Tùy hứng — *Hằng-Phương, Cách-Chi*
Bản sách-dẫn về « Đại Nam liệt truyện » (IX) — *Thọ-Xuân Lê văn-Phúc*
Trúc mai sum-họp (tiểu-thuyết, XIX) — *Chu-Thiên*

0$20

Vấn-đề sử-học ở ta

Những chuyện mê-tín, hoang-đường

XEN TRONG SỬ SÁCH

HOA-BẰNG

MỘT bữa, ngồi ăn với mấy bạn trẻ, nhân nói về chuyện lịch sử Việt-nam, tôi có nêu lên một vấn-đề tuy là câu chuyện nói chơi trong một lúc bấy giờ, nhưng nay xét ra, thấy nó quả có tính cách quan - trọng đối với sử-học :

—Người mình xưa nay thường hay xen vào trang lịch-sử các bậc vĩ-nhân những chuyện được mả mối đùn, được mả thày tàu đề, chẳng hạn như ngôi mộ phát tích ở động Chiêu - nghi (1) của nhà vua Lê Thái-Tổ, 1428 - 1433, ngôi mả « kết-phát » ở Bình-định (2) của nhà vua Quang - trung, 1788-1792. Như vậy rất dễ gieo rắc vào óc người ta những thói mê-tín, ỷ-lại, làm giảm thanh-giá của vĩ nhân Việt-nam. Vì e người ta quá tin vào những truyền-thuyết ấy rồi quên mất cả những sức phấn đấu, tài thao lược, chí anh dũng và lòng hi-sinh của những tay hào-kiệt đã tạo thời-thế.

Chọn Thăng-long làm kinh-đô, vua Lý Thái-Tổ, trong con mắt trông xa của ngài, chỉ thấy Thăng long là một chỗ địa lợi rất tốt, nên ngài đã nói trong bài chiếu thiên đô : « ... Cố-đô Đại-la thành trạch thiên-địa khu vực chi trung, đắc long bàn hổ cứ chi thế, chính nam bắc đông tây chi vị, tiện giang sơn hướng bội chi nghi. Kỳ địa quảng nhi thản bình, quyết thổ cao nhi sảng khải, dân cư miệt hồn điếm chi khốn, vạn vật cực phồn phụ chi phong, biến lãm Việt bang, tư vi thắng địa : Thành tứ phương bức tấu chi yếu hội, vi vạn thế đế vương chi thượng đô ... » (3)

Thế là vua Lý-Tổ chỉ chú-trọng vào phương - diện tiện - lợi của Thăng-long vì nó là trung - tâm-điểm của đất nước, đất rộng mà cao, vật nhiều mà thịnh, bốn phương sum họp đông đúc, núi sông liên lạc tiện nghi. nên ngài mới từ nơi Hoa lư nhỏ hẹp, như rồng vươn mình lên chỗ đất bằng phẳng sảng khải ấy mà bay nhảy vẫy vùng. Bản tâm ngài không phải mê-tín về địa-lý.

Vậy mà những người tin địa lý lại có những lời so sánh chăng giá trị gì, khi họ bàn về địa thế Thăng-long !

Không ngờ những lời viển vông ấy lại được sử-gia Ngô-Giáp-Đậu dẫn vào chỗ lời bàn dưới đoạn sử chép về Thục An-Dương-Vương : « Nhà địa-lý luận về đất hình-thắng của đế vương có cho rằng : đất Cổ-loa kém đất Cổ-bi nhưng hơn đất Thăng-long».— Dịch theo nguyên văn chữ hán trong Trung học Việt sử toát yếu, *xuân tập, tờ 26a. Dẫn lời địa-lý ấy, tuy sử gia Ngô-Giáp-Đậu cốt để cãi lại rằng Loa-thành thực kém vì chỉ có cái thành đất nhỏ mọn, chứ không có núi sông hiểm trở. Nhưng đã vô tình gợi cho độc-giả cái mối suy nghĩ vẩn vơ, so sánh bá-láp về kinh-đô của các đế vương theo thành kiến địa-lý !*

Ngoài những chuyện mê-tín về địa-lý, sử gia xưa lại không phê-phán sử liệu, lựa chọn sử liệu, nên đã trộn lẫn những chuyện thần-thoại vào chính sử.

Ở phần chữ nho trong sách Đại Nam quốc sử diễn ca *(3) của các ông Lê-Ngô-Cát, Phạm Xuân-Quế và Phạm-Đình-Thốt xuất bản năm canh-ngọ, hiệu Tự - đức thứ 23, 1870, tờ 4, có chép về chuyện Sơn tinh Thủy tinh (hoặc Sơn - tinh Thủy-tinh) ở đời Hưng - vương (hoặc Lạc - vương) rằng ;* « Vua Hùng-vương đời sau rốt, có con gái gọi là Mỵ-nương. . . Bấy giờ có hai người từ ngoài đến, bái kiến nhà vua mà cầu thân. Vua hỏi thì họ nói một người là Sơn-tinh, một người là Thủy tinh. Vua nói : « Ta có một người con gái há lại lấy được cả hai rể hiền ? » Rồi ngài hẹn đến ngày mai hễ ai mang đủ lễ đến trước thì ngài gả con gái cho. Hôm sau, Sơn tinh đem những đồ quí báu, vàng, bạc, sơn-cầm, dã thú đến trước lạy dâng. Vua theo lời hẹn gả cho. Sơn tinh đón dâu về núi Tản - viên. Thủy - tinh đến sau, hối hận không kịp, bèn làm mây đùn, mưa trút, nước lên tràn trề, rồi kéo các giống thủy-độc đuổi theo. Sơn tinh dương lưới sắt chắn ngang phía thượng

lưu hạt Tử-liêm để chống cản lại. Thủy-tinh do con sông khác, từ Lỵ-nhân (4) theo giòng Hát-giang vào sông Đà để đánh úp. Thần Sơn-tinh hóa phép gọi thổ-nhân đan tre làm phên để ngăn-cản nước, rồi lấy nỏ bắn xuống. Loài thủy tộc trúng tên, phải lánh chạy. Rút cục chẳng xâm-phạm được. Từ đó về sau, hai bên trở nên thù nhau đời đời. Hằng năm, cứ đến mùa nước lớn, hai bên thường đánh nhau».

Mà phần chữ nôm sách ấy cũng chép :

«Thủy-tinh lỡ bước chậm chân,
Đùng đùng nổi giận đem âu làm thù.
Mây tuôn, gió thổi mịt mù,
Ào ào rừng nọ, ù ù núi kia !
Sơn thần hóa phép cũng ghê ;
Lưới dang giòng Nhị, phên che ngàn Đoài.
Núi cao, sông cũng còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen».

— Phiên âm theo bản chữ nôm do nhà Tri trung-đường khắc gỗ và in

Bẩn những đoạn sử sách trên, tôi chỉ có ý tỏ rằng phương pháp chép sử của ta xưa hãy còn có những cái khuyết điểm như thế.

Dẫu vậy, không phải ngày nay chúng ta mới thấy đâu, mà trước đây hàng hơn nửa thế-kỷ, các sử thần trong Quốc-sử quán triều Nguyễn đã nói trong mục «phàm-lệ» ở bộ Khâm định Việt-sử thông - giám cương mục, *quyển đầu, tờ* 12 : «Những việc sử cũ đã chép có nhiều cái hoang đường trái thường, nay đều bỏ đi không viết vào, giản hoặc cũng còn để lại một đôi việc ở chỗ lời « chú » để truyền lại những cái đáng ngờ... »

Phương - pháp ấy của Quốc-sử quán rất hay, ta nay phải nên thừa nhận như vậy.

Thế mà trong đám nhà văn ngày nay, nhiều người tự mạng là những tay giường cột của sử-học, khi chép về vua Quang-trung, họ cũng vẫn cứ đi theo vết lầm của cổ-nhân, không chịu gạt bỏ những tài liệu hoang đản. Cứ lệ :

Nguyễn Huệ vác xương tiên nhân lên táng vào cái huyệt thày tàu để cho rồi, liền thấy trong người đổi khác, và vua Quang - trung không phải là người không có học vì Ngô-Thì-Nhậm nằm mơ thấy ngài chữa lại tờ chiếu cho Ngô !

Thế là trái với phương - pháp khoa học.

Thế là phạm vào những điều tối kỵ trong khoa sử học ngày nay.

HOA-BẰNG

«*Lam-sơn thực-lục*» là một truyện-ký bằng chữ nho chép về vua Lê Thái-Tổ. Sau một tờ đầu chỉ cho ta biết quê-quán và dòng-dõi vua Lê, sách ấy xen ngay đến chuyện mà nay có thể gọi là hoang đường:

«... Trước kia, khi vua chưa sinh, ở dưới cây rừng xứ Du-sơn tại bậu thôn Như - áng, nay thuộc huyện Thụy-nguyên, Thanh-hóa, thường có con hổ đen quen người và chưa từng làm hại ai.

«Đến giờ tý, ngày mồng sáu, tháng tám, năm ất-sửu, vua sinh ra. Từ đó, không thấy con hổ ấy nữa, người ta lấy làm lạ...

«. . . Bấy giờ vua sai người cày ở xứ Phật-hoàng, đồng Chiêu-nghi. Chợt có một vị sư già, mặc áo trắng, từ xóm Đức-trai đi ra, cười mà rằng :

« — Quí thay, chỗ đất này ! Thế mà không có ai đáng để ta dặn bảo !

« Người nhà thấy vậy, vội chạy về bảo ngài. Ngài liền chạy theo đi tìm để hỏi. Có người bảo cho ngài biết rằng sư già đã đi lên phía trước rồi. Ngài tức-tốc đuổi theo. Đến sách Quản-đội, huyện Lôi - dương, ngài thấy một cái thẻ tre có đề rằng: *Tuổi đúng 40, vâng lĩnh mạng trời : số đã định thế. Tiếc rằng không kịp !* Ngài thấy đề thế, mừng lắm, lại đuổi theo.

«Khi đó, có con rồng vàng phủ trên ngài. Thình-lình ngài gặp vị sư ấy. Sư bảo ngài rằng :

« — Tôi họ Trịnh, hiệu Bạch-thạch sơn-tăng, từ Ai - lao xuống đây. Ngày nay thấy ông khí-tượng khác thường, tất ông có thể làm nên việc lớn.

«Ngài quì xuống trình bày rằng : Địa-mạch của kẻ đệ-tử này quí hay tiện thế nào ? Mong tôn-sư bảo rõ cho !

« Sư nói :

« — Ở xứ Phật-hoàng đồng Chiêu-nghi có một thửa đất độ nửa sào, hình như cái quốc ấn, bên hữu có thái-đường. Trong núi Chí linh có gò đất Tiên-bạn, lấy Chiêu-sơn làm án. Phía trước có Long-sơn, trong có Long hồ. Đó là kiểu đất ruột ốc. Nước tay hữu uốn quanh, núi ngoài la-liệt. Về phần nam-tử, thì qui-hiển không thể nói được ; chỉ giận một nỗi nữ-chủ thì thất tiết ! Tôi e con cháu của ông sau này có cái thế phải phân-cư. Nhưng tộ vận có thể trung-hưng được. Thế là đủ biết mệnh trời. Nếu gặp thày giỏi biết cải táng thì trung-hưng được 500 năm nữa.

«Sư nói xong, ngài liền đem ngôi hoàng-khảo mà táng vào chỗ đất ấy.

«Đến giờ dần, ngài về tới Dao-sá hạ-thôn thì vị sư ấy bèn hóa mà lên trời.

«Ngài nhân chỗ sư hóa ấy lập làm cái đền Du - tiên, còn chỗ đồng Chiêu-nghi thì lập cái tiểu am tưc là nơi mộ Phật-hoàng. Đó là chỗ đồng phát tích vậy.»

— Dịch theo nguyên văn chữ nho.

2) Người ta tin rằng Nguyễn Huệ làm nên là nhờ ngôi mộ ở Gò găng gần thành Bình - định một ngôi phát-tích của nhà Tây - sơn. Người vùng ấy đến nay còn truyền tụng mấy câu về kiểu đất ấy :

xem tiếp trang 23

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 22 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XII. — Chữ N (*bài nối*)

Lý-công-Tá đời Đường làm bài Nam-kha ký, *đại lược nói : Thuần-vu Phần một hôm uống rượu dưới bóng cây hòe trong vườn, say rượu nằm mộng thấy đến nước Hoè an. Vua nước ấy gả con gái cho, rồi cho làm thái thú quận Nam-kha, vinh hiển rất mực, sau đánh giặc bị thua, công chúa cũng mất, vua sinh ngờ ghét, cho về. Giật mình tỉnh dậy, trông vào cái hang ở dưới cây hòe, thấy có đàn kiến ở trong, tức là nước Hòe-an đấy. Gọi là quận Nam-kha, tức là cành phía nam. Thuần-vu-Phần tỉnh-ngộ, mới biết đời người nhanh chóng, bèn để tâm vào cửa Đạo (đạo-giáo), dứt bỏ tửu sắc. Truyện này là truyện ngụ-ngôn : người đời sau gọi giấc mộng là Nam-kha vốn ở truyện này.* Cung-oán *có câu : « Giấc Nam-kha khéo bất-bình, Bừng con mắt dậy thấy mình tay không ! »*

Nguyên văn chữ Hán bài Nam-kha ký *của Lý-công-Tá in trong bộ* Đường-đại tùng-thư, *quyển 15, bộ* Long-ny bí thư, *tập bốn, sách năm, v.v. Bài dài lắm, tôi dịch hai trang đầu để độc-giả xem một lối văn bia tạc đời Đường : « Ở đất Đông-bình có một người tên là Thuần-vu-Phần. Phần là kẻ du-hiệp nước Ngô nước Sở, có tính «tửu sử», bị rượu sai khiến, không giữ nết na. Nhà giàu lớn, nuôi hào-khách. Phần do nghề võ được bổ tỳ-tướng đạo quân Hoài-nam, nhân say rượu phạm đến tướng-soái bị đuổi, hóa ra người lạc phách giang hồ, lại càng ham rượu. Nhà ở phía đông quận Quảng-lăng, rộng mười dặm. Phía nam khu nhà ở, có một gốc hòe cổ rất lớn, cành to và dài, lá năm xanh tốt, bóng râm đến vài mẫu. Gặp ngày sinh-nhật, ngồi uống rượu ở dưới bóng cây hòe. Hôm ấy là ngày tháng chín năm Trinh-nguyên thứ bảy Vì uống rượu say quá, Phần bị cảm ; hai người bạn trong bọn hào-khách bèn khiêng Phần vào trong nhà, đặt nằm ở giường trái đông, bảo Phần rằng : «Nhà ngươi ngủ đi, chúng tôi sẽ buộc ngựa rửa chân, đợi khi nhà ngươi khỏi mới đi.» Phần bỏ khăn, nằm ngủ, tự nhiên người mê-mẩn như trong giấc chiêm-bao, thấy hai sứ-giả áo tía đến quì trước Phần mà nói rằng : «Vua nước Hòe an sai tiểu-thần đến đón ngài. » Phần xuống giường, sửa khăn áo, đi theo hai sứ-giả đến cửa, thấy một cái xe nhỏ sơn xanh ngựa trắng, hai bên có bảy tám người đi theo, mời Phần lên xe. Lên xe rồi, ra khỏi cổng cái, nhằm vào hang cây hòe cổ mà đi. Sứ-giả dẫn đường đưa vào trong hang Phần lấy làm lạ, có ý ngờ, không dám hỏi, chợt thấy non sông khí hậu, đường sá cỏ cây, khác hẳn cõi trần. Đi lên độ vài mươi dặm nữa, thấy có thành quách đường-lũy ; xe-cộ nhân vật, đi lại, luôn luôn ngoài đường ; những xe ở tả hữu Phần truyền gọi rất nghiêm, người đi tránh nép ở hai bên vỉa hè. Khi vào đến thành lớn, thấy lầu hai tầng, cửa sơn son, trên lầu có bốn chữ «Đại Hòe-an quốc» bằng vàng. Người canh cửa rảo đi trước, có ý sợ hãi. Lại có một người cưỡi ngựa quanh ra hô to rằng : « Vua truyền phò-mã đi xa đến, hãy nghỉ tạm ở quán Đông-hoa». Nói xong, đi trước dẫn đường. Chợt thấy một cửa mở rộng, Phần xuống xe bước vào, thấy cột nhà thì chạm ; lan-can sơn màu xanh đỏ, cỏ cây và những hoa quả qui-báu bày khắp ở trước sân,..» Câu chuyện chiêm-bao cứ thế kéo dài trong mười sáu trang nữa !*

Ở trang 172 quyển Tầm-nguyên từ điển, *ông Lê văn Hòe cắt nghĩa chữ nô lệ như sau : «Ngày xưa về thời-đại chuyên-chế, con trai, con gái phạm tội đều phải sung làm đầy tớ các nhà qui-tộc. Hạng đầy tớ ấy, con gái thì gọi là nô, con trai thì gọi là lệ. Bây giờ nô - lệ chỉ còn nghĩa là đầy tớ.»* Từ nguyên *nói « con gái của tội nhân, bị tội lây, làm đầy tớ các quan, gọi là nô-tì ; nay những người tôi-tớ đã bán cho người ta-rồi, theo họ của chủ cũng gọi là nô ; nếu tính công trả tiền thì gọi là cố-công.* Nô *còn nghĩa là lời nói khiêm của người đàn bà. Trong truyện Lục-tá-Phu ở* Tống-sử *có chép Dương-thái-phi làm vua thay con cùng quần thần nói chuyện, tự xưng mình là nô ». Còn chữ lệ,* Từ nguyên *chép sáu nghĩa : một là phụ-thuộc,* Hậu-hán thư *có câu : «Bộ-phận chư tướng các hữu phối lệ », bộ phận các tướng đều có phụ-thuộc. Nghĩa thứ hai là gọi nước hèn. Ngày xưa thường lấy « lệ-nhân » là người có tội, hoặc gia-thuộc người có tội, làm việc khổ-nhọc. Nghĩa thứ ba là tên một lối viết chữ Tàu : lối này của Trình - Diễu đời Tần làm ra trước. Diễu làm ngục lại bị tội, giam ở Vân dương ; trong khi bị giam, thêm bớt lối đại-triện, viết thành lối lệ : Thủy-hoàng khen cho làm ngự-sử. Lệ có hai lối : một lối «tàm đầu yến-vĩ», nghĩa là đầu con tằm, đuôi con yến ; một lối là «trảm đinh tiệt-thiết», nghĩa là nét nào cũng cứng như đanh như sắt. Chữ lệ còn nghĩa thứ tư là xem xét. Nghĩa thứ năm là học tập ; sử ký có câu «Quần-thần tập lệ», chua nghĩa là « lệ diệc tập giả », các bầy-tôi tập-luyện. Nghĩa thứ sáu là tên họ : đời Hán có Lệ-duyên-Chi.* (Còn nữa)

Tự vị chữ nho cắt nghĩa chữ ngai *là* sỉ, *tức là ngây dại. Tự-điển Khang-hi chép thêm một câu trong sách* Quảng-vận *như sau : « Chữ ngai là tương hình con chó khi còn nhỏ ».*

Dưới chữ nghiệt *tử ở trong quyển* Tầm - nguyên từ-điển, *phải chữa chữ* nghiệt *một bên đầu bộ thảo, dưới chữ phụ một bên chữ tân Ông Lê-văn-Hòe viết chữ thai một bên chữ tân thì nhầm.*

Nghiệt tử là con vợ thứ, thường không được yêu Sách Mạnh tử có câu : « Độc cô thần nghiệt-tử », một mình kẻ cô thần kẻ nghiệt-tử Thường gọi tắt là cô nghiệt. Cô thần là « cô lập vô viện chi thần », bề tôi đứng một mình không ai giúp. nghĩa bóng là một mình ngay thẳng, còn gian nịnh cả.

Dưới chữ ngoại ô *ông Lê - văn - Hòe cắt nghĩa « ô là thành phố nhỏ »* Từ-nguyên *chỉ cắt nghĩa là cái thành nhỏ « tiểu chướng giã », ngoài làng xóm đắp đất làm thành để ngăn ngừa trộm cướp* Hậu Hán thư *chép « Đồng-Trác đắp thành nhỏ ở đất Mỵ gọi là Vạn-tuế-ô » : « Đồng-trác trác ô. ư Mỵ hiệu Vạn tuế ô » Chữ ô còn nghĩa là đồi núi. Phàm bốn mặt cao, mà giữa trũng đều gọi là «ô». Đào đất làm hào, thuyền đi trên nước. gọi là thuyền ô*

Sách Thuyết văn *chép một câu : « Trực - ngôn viết ngôn, luận nạn viết ngữ », nghĩa là nói thẳng gọi là ngôn, bàn bạc biện bạch gọi là ngữ. Sách* Chu-lễ chú *có câu : « Phát đoan viết ngôn, đáp thuật viết ngữ », nói mở đầu gọi là ngôn, lời đáp thuật gọi là ngữ Ở chữ ngữ,* quyển Từ - nguyên *cắt nghĩa rằng : « Tự ngôn viết ngôn, đáp nạn viết ngữ », tự nói ra gọi là ngôn, đáp lại rõ ràng gọi là ngữ. Kinh Lễ có câu : « Tam niên chi tang, ngôn chi bất ngữ », trong khi tang ba năm, chỉ nói mà không nên biện bạch.* Từ nguyên *còn cắt một nghĩa nữa là nói to gọi là ngôn, nói nhỏ gọi là ngữ : « đại ngôn viết ngôn, tiểu ngôn viết ngữ ». Sách* Luận ngữ *có câu : « Thực bất ngữ, tẩm bất ngôn », ăn không nói nhỏ ngủ không nói to, nghĩa là khi ăn khi ngủ không nên nói, dù nói nhỏ cũng không được.*

Ông Lê văn Hòe nói Ngũ hồ *« chính là một tên khác của Thái-hồ, một cái hồ chu vi tám trăm dặm, ở vào khoảng giữa hai tỉnh Giang-tô, Triết giang nước Tàu Ngũ-hồ đây tức là Thái-hồ chứ không phải là năm cái hồ như ta vẫn tưởng lầm ».* Từ-nguyên *chép quyển* Trương-Bột-Ngô lục *nói Ngũ hồ là tên riêng Thái-hồ, nhưng cũng có một nghĩa nữa là năm hồ ở năm nơi xa cách Thái-hồ ; cái nghĩa này chép trong* Ngô-Việt xuân-thu, Hậu-Hán thư, Thủy kinh chú, Sử-ký chính - nghĩa. *v. v , quyển* Từ-nguyên *có sao lại cả.*

Dưới chữ ngược, *ông Lê văn Hòe nói rằng : « Miền thượng-du nước ta, rừng núi nhiều, khí-hậu nặng, người ta mới tới thường hay mắc chứng sốt rét rừng liên-miên, mỗi ngày một cơn, hoặc cách một ngày hai ngày một cơn. Người Trung-hoa sang có việc ở miền đường ngược nước ta thường hay mắc các chứng sốt đó Họ không biết gọi là bệnh gì cho đúng, vì đó có một bệnh mới, nên lấy luôn tên mạn ngược là nơi phát bệnh mà gọi là bệnh ngược : ngược-tật ». Ông Lê văn Hòe nói thế thì sai, vì chữ ngược ở trong tự-điển Khang-hi có dẫn Kinh Lễ, thiên Nguyệt-lệnh, về tháng mạnh-hạ rét nóng không đều, dân nhiều bệnh ngược : « mạnh-hạ chi nguyệt, hàn nhiệt bất tiết, dân đa ngược tật ». Sách* Chu-lễ, Thiên quan tật y *có câu rằng : mùa thu có bệnh ngược là bệnh sốt rét : « thu thời hữu ngược, hàn tật »* Chu-lễ *chú nghĩa là « mùa thu khí dương gần hết, khí âm mới thịnh, hành hỏa khắc hành kim, vừa rét vừa nóng, cho nên gọi là « ngược hàn » nghĩa sốt rét, Xem như thế thì chữ ngược đã có từ đời Chu, tức là năm 1122-247 trước kỷ-nguyên Ông Lê văn Hòa viết nhầm chữ ngược.*

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đặc-san về Xuân quý-mùi.

Bao nhiêu năm trời, vũ trụ cũng vẫn cái xuân ấy.

Bao nhiêu giấy mực, báo chí bấy nay cũng vẫn ca tụng cái xuân ấy.

Xuân này, Tri-Tân, vì chiều ý nhiều bạn đọc yêu-cầu, lại làm số Xuân.

Nhưng, chúng tôi muốn cho số *Xuân quý mùi* này phải tiến-tới hơn, phải đặc-sắc hơn : Cái đó còn trông ở sức cộng-tác của các bạn, ngoài phần nỗ-lực của chúng tôi.

Vậy mong ngay từ bây giờ, các bạn thân yêu hễ có sáng-kiến gì hay, tài-liệu gì quí, xin làm ơn cứ gửi đến bản-chí. Hễ bài nào đăng được, sẽ có biếu riêng số xuân ấy để làm kỷ-niệm. Vậy, kèm theo bài, xin bạn nhớ để rõ địa-chỉ cho. Đa-tạ trước. TRI-TÂN

CÁCH VIẾT KHOA-HỌC

(Tiếp theo kỳ trước)

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

III — Thế nào mới thiệt là chuyên-môn tự ? Hay là những điều kiện mà một chữ chuyên môn cần phải có (Les qualités requises d'un mot technique).

Những chữ chuyên môn mà thiệt cần phải có thì không thể dịch được, tiếng nước nào cũng thế

Người Pháp dùng thường - ngữ pháp để dịch một ý cần phải có chữ chuyên-môn cũng không làm được. Tiếng nước nào cũng vậy, đa-vận hay độc-vận cũng thế, không riêng gì tiếng ta.

Chữ chuyên-môn với đoạn thường ngữ.

Nếu dùng những tiếng đã có nghĩa sẵn, những chữ đã có rồi, chắp nối lại mà dịch một ý cần phải có một chữ chuyên môn, thì cái nhóm chữ ấy muốn viết thế nào thì viết, nếu không biến-cải dị-dạng hẳn nó đi để làm một chữ mới tinh tạo (tant que la transformation de l'expression n'est pas totale pour la muer en un mot nouveau), nếu tai mắt mình vẫn còn thấy trong cái nhóm chữ ấy riêng rẽ ra từng chữ một (tant que l'oeil et l'oreille distinguent encore dans la location des mots et nom des éléments) thì cái đoạn ấy vẫn chưa thành một chữ được. Tiếng pháp hay tiếng việt, tiếng đa vận hay tiếng độc-vận cũng vậy. (Un mot composé n'est un mot que lorsqu'on n'y distingue plus que les éléments et non les mots dont il est composé).

Mỗi chữ chuyên-môn chỉ có thể là một chữ và một chữ thôi.

Về chuyên-môn ngữ, thì mỗi vật, mỗi ý tỷ-mỉ (sens restreint, signification précise) phải có một chữ, và một chữ thôi mới được, nếu không thì thiếu một cái gọn gàng mà minh bạch của những chữ chuyên môn đi rồi, không ai cần phải đặt ra một hạng chữ riêng gọi là chữ chuyên-môn nữa.

Chữ chuyên-môn phải học mới biết.

Đã gọi là chữ chuyên-môn, thì bất cứ tiếng nước nào, phải học mới biết được, đừng như một nhà nho kia muốn rằng người thông chữ nho, lần đầu tò mò đến khoa-học, vớ lấy một cuốn sách, bất cứ giở chỗ nào ra mà đọc cũng hiểu những chữ chuyên-môn ngay. Muốn thế là muốn một cái không thể được.

Chữ chuyên môn phải học theo thứ tự, học khoa học phải học từ đầu cuốn sách trở xuống.

Muốn biết khoa-học phải đi dần dần từ A đến B đến C, làm cho khi đọc đến một chữ chuyên môn nào là hiểu ngay chữ chuyên môn ấy một cách tường tận, tinh-vi dầu khoa học viết bằng thứ tiếng mẹ đẻ của mình cũng vậy.

Nên các sách khoa-học giáo khoa, sách nào cũng phải lần lượt định nghĩa (définir) những chữ chuyên môn đã, nhân hậu mới giảng đến khoa-học được, dẫu rằng những chữ chuyên-môn ấy là những chữ có thể đoán ra mà hiểu được. Vì có đoán ra mà hiểu, cũng chỉ hiểu cái đại khái, không hiểu một cách tỉ mỉ là cái đặc tính của những chữ chuyên-môn và của lời khoa học. Muốn hiểu đại khái như vậy là muốn hiểu khoa-học bằng bộ óc không có khoa học một chút nào.

Viết sách khoa học phải viết cho có thứ tự.

Nói về hình học, phải giải nghĩa, phải định nghĩa từ cái chấm, cái vạch trở đi ; nói về hóa học phải bắt đầu định nghĩa thế nào là nguyên - tố, thế nào là hợp-

với quyển

LÔNG NGỖNG GIEO TÌNH

Thi sĩ Việt-Châu đã được hoan-nghênh thế nào ?

...Việt-Châu thực là một nhà thi sĩ hoàn toàn, tài hoa... Trọn quyển « Lông Ngỗng Gieo Tình », câu nào cũng hay đều như nhau, chứ không phải là tôi đã lựa chọn những câu hay nhất mà trích ra đâu

Nguyễn-Tiến-Lãng, *báo Tràng-An.*

...Thơ Việt-Châu gồm đủ du dương, tình tứ, hùng tráng, lâm ly. Một bài phê bình không sao kể xiết được những cái hay trong truyện L. N, G. T. Bùi-Thế-Mỹ, *Dân-Báo.*

Tôi đã kinh ngạc khi đọc đến bài N L. N. T. trong quyển L. N. G. T... Tôi có cái thú như khi đọc đường thi, các bài của Trương-Kế, Vương-Xương-Linh. Đỗ-Huy-Nhiệm, *Hanoi*

Nhà xuất bản Kim-Chi

Đã có bán khắp nơi : Hương-Sơn Hanoi, Hương-Giang Huế N. Khánh-Đàm Saigon

tố trở đi ; nói về số học, phải định nghĩa từ số một, số hai trở đi.

Nhiều nhà nho chưa làm quen với khoa học bao giờ, không thể tin lời tôi nói được. Thì đây, thưa các ngài, hình học định nghĩa chữ *chấm* như thế này : « Cái *chấm* nó không có chiều ngang, chiều dọc, chiều sâu hay chiều cao gì cả » thì nghe làm sao được. Đấy cái *chấm* của hình-học là thế ; chữ *chấm* một chữ chuyên môn của hình học, nghĩa nó là thế, chứ có phải cái chấm hạt chanh của ngòi bút lông hay cái chấm hạt cát của ngòi bút sắt đâu. Hình học lại dậy rằng « Trên một cánh đồng phẳng chẳng hạn, muốn đi từ gốc cây A đến gốc cây B, con đường ngắn nhất là con đường thẳng » thì có ngớ ngẩn không ?

Vậy mà khoa-học nào cũng khởi thủy ở chỗ ngớ-ngẩn như thế cả. Chỗ ngớ-ngẩn là chính huyệt của khoa học đó.

Cho nên, bất cứ chữ mới tạo ra hay chữ đã sẵn có, đã dùng chúng trong khoa học, đã cho chúng là hạng chuyên môn tự thì đều phải định cho chúng cái nghĩa rất tỉ mỉ như vậy cả.

Chữ chuyên môn phải là chữ mới tinh tạo. Nếu không phải định nghĩa, (définir phải biệt nghĩa [spécialiser le sens du mot] cho nó, nghĩa là phải làm cho nó mới ra chẳng khác gì những chữ mới tinh tạo cả (xem bài Adaptation).

— Nếu thế thì chữ cũ rích cũng chẳng lợi hơn chữ mới tinh tạo chút nào ! — Thưa, chính thế, chỉ có phần kém thôi, kém ở chỗ tinh vi. Mỗi chữ cũ, chữ thường ngữ dùng vào trong khoa học làm chữ chuyên môn thì ít gì nó cũng có hai nghĩa : nghĩa cũ, nghĩa thường, tờ mờ của nó đã sẵn có, và nghĩa mới, nghĩa chuyên môn tỉ mỉ của nó trong khoa học.

Đã gọi là chữ chuyên môn thì bất cứ chữ cũ hay chữ mới, phải có học qua rồi, mới hiểu nghĩa, mới thông nghĩa.

Đứng về một phương diện mà nói, thì viết khoa-học chẳng qua là chua nghĩa những chuyên môn tự mà hiểu khoa học là hiểu những chữ ấy, chỉ có thế thôi,

Phải có chữ chuyên môn rồi, mới nói đến phổ thông khoa học được.

Muốn có khoa học phổ thông phải có khoa học chánh thức đã. Nếu không, ngôn ngữ sẽ bất đồng, mỗi ý sẽ có hai ba tiếng là ít, mỗi người viết, đặt một chữ, không ai theo ai, không ai hiểu ai.

Có người hỏi : « Mình cần những chữ mới cho trình độ hiểu biết nào trong xã hội ta ? Hiện tại hay tương lai ? » Khoa học là khoa học. Khoa học không có cái tạm thời cho sức hiểu biết từng hạng người, hiện tại hay tương lai.

Bất cứ vào trình độ hiểu biết nào, ai muốn làm thân với khoa học thì học lấy tiếng của khoa học, thì hiểu lấy nghĩa của những chữ cần đến trong khoa-học. Người Tàu chỉ vì muốn phiên-phiến tạm dùng những tiếng sẵn có để dịch chữ chuyên môn nên ngày nay họ phải phá-hoại cả cái công-trình của họ để xây đắp lại cái nền khoa-học.

Viết khoa-học phổ-thông là mang một vấn đề khoa-học nào đó mà giảng bằng thường ngữ, nghĩa là mang những tiếng thường đã có rồi, ai cũng phải hiểu để giảng những chữ chuyên môn. Muốn vậy phải có chữ chuyên môn đã. Nói về électrolyse bằng thường-ngữ tức là lấy tiếng thường giảng nghĩa chữ chuyên-môn électrolyse. Nói về điện âm, điện dương, tức là giải nghĩa hai chữ chuyên-môn âm và dương bằng tiếng thường. Công việc của khoa-học phổ thông chỉ có thế thôi, không có gì hơn nữa.

Vậy mà lại muốn hễ thông chữ nho, rành tiếng viết, mà chưa biết khoa-học bao giờ, đọc đến chữ chuyên-môn của khoa-học là hiểu ngay thì hiểu thế nào được ; chỉ có thể hiểu lầm ngay lập tức thì có.

Bởi vậy, người viết khoa-học chẳng thà là dùng chữ mới tinh-tạo làm chữ chuyên-môn ; người đọc khoa-học không hiểu thì tìm mà hiểu, tìm đến chỗ người viết định nghĩa, giải nghĩa cho chúng ! còn hơn là dùng chữ cũ để cho người đọc có thể đoán mà hiểu lầm. Một bài văn thơ hiểu lầm còn có nghĩa, một chữ chuyên-môn hiểu lầm thì cả bài khoa-học không còn gì nữa.

IV Những cái bất lợi khi mang một đoạn thường ngữ để vào chỗ cần phải có một chữ chuyên môn.

Vậy cái lầm lớn của mấy nhà muốn phổ-thông khoa-học trong nước là mỗi khi gặp chữ chuyên môn của người lại mang tiếng thường ngữ của mình (tiếng ta hay chữ nho) ra để tạm dịch.

Làm như vậy rất thất sách.

Một là, những đoạn thường ngữ (expression de langue commune) mà các ông cho là chữ chuyên môn (mots techniques) nó không có cái đặc tính cỗi rễ, cái công dụng bên trong của những chữ chuyên môn một tí nào cả.

Xin mang mấy cái tỷ dụ ra để cho dễ hiểu. Giả thử người Pháp chưa có những chữ chuyên môn như chữ *triangle, corbiam, oxygène,* mà lại dịch những ý chuyên môn ấy bằng tiếng thường ngữ của người Pháp là Figure-à-trois-angles « couchegénératrice interne », « air-vital », thì dẫu dịch có đúng 100 %. đấy, những đoạn thường ngữ ấy, muốn viết

HÃY ĐỌC

Triết học KANT

của Nguyễn đình Thi

Một viên gạch quý báu trong công cuộc xây đắp văn hóa nước nhà. Một học thuyết mở đường cho tất cả nền triết học Tây phương hiện thời.

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 40 — Takou — Hanoi

ĐÃ PHÁT HÀNH

VÀNG SAO

của Chế lan Viên

In toàn trên giấy vergé bouffant. Bìa do họa sĩ Lưu văn Sin trình bày.

Giá 2p50

Sắp có bán

Triết học NIETZSCHE

thế nào thì viết, cũng không phải là một chữ, một chữ chuyên môn được, ta nghe vẫn thấy rành rẽ từng chữ một ở trong đo n Cả câu, cả đoạn chỉ rút vào một chữ và một chữ thôi, thì mới gọi là chữ chuyên môn được. Nếu tai nghe hãy còn thấy hai chữ ở trong thì nó vẫn là dịch, vẫn là một đoạn văn viết bằng tiếng thường ngữ, không bao giờ thành một chữ, một chữ chuyên môn được. Câu văn không thể minh bạch được.

Không thể viết khoa học bằng cách đó được, tiếng nước nào cũng vậy.

Hai là, làm như vậy (dịch chữ chuyên môn) các ông chả làm giàu cho tiếng mẹ đẻ một « đồng » nào cả. Các ông chỉ dùng những chữ sẵn có. để nguyên như thế, xếp lên xếp xuống cho khéo để thành đoạn thành câu ; rồi bớt một bớt hai cho gọn, thì cái số chữ trong tiếng ta có thêm lên đâu ? Có người b ều không thêm chữ (mots) nhưng thêm lời (xpr ss ons) thì cũng là một c ch làm g àu chớ sao ! Thưa : hễ có gạ h thì người ta sẽ xây nên lâu đài th ên hình vạn trạng Nếu công việc các ô g chỉ có thế — xếp chữ nh r người thợ nề xếp gạ h — thì các ông chẳng p ải lo, nhiều người cũng làm được. (Ce n'est qu'un arrangement qui peut e re génial des mots existants pour former des expressions nouvelles qui tradu se t p us ou moins bien un terme techn que ce ne sont pas des ter es techniques et la langue elle-même ne s enrichit d'aucun mot).

Ba là, làm như vậy (dịch chữ chuyên môn) khi hành văn tất có chữ phải láy đi láy lại, nếu không có chữ tương đương thay vào.

« Hình ba góc » là tên những cái *hình* nó có *ba góc*.

Những chỗ cần phải có chữ chuyên môn mà mình chưa có chữ chuyên môn để đặt vào, thì mình phải tạo ra những tiếng mới tinh mà dùng, để dành những chữ sẵn có (tiếng ta hay chữ nho) phòng khi hành văn dùng tới.

Bốn là, theo cách xếp chữ trong câu của ta, thì những chữ bổ nghĩa phải để sau chữ được bổ nghĩa. Nếu mỗi chữ chuyên môn của người, mình phải thay bằng một đoạn thường ngữ thì câu tự nhiên giòng dài và tối nghĩa, nhiều khi không biết chữ nào bổ nghĩa cho chữ nào.

Tỷ dụ như « hai cái ba góc bằng nhau », hay « hai hình tam giác bằng nhau ». Không biết tiếng « bằng nhau » đi với chữ « góc » hay chữ « cái », chữ « giác » hay chữ « hình ».

Viết bằng cách nào cũng vậy, không rõ nghĩa được.

Hai cái-ba-góc bằng nhau
Hai « cái ba góc » bằng nhau
Hai « cái-ba-góc » bằng nhau
Hai caibagoc bằng nhau
Hai *caibagóc* bằng nhau.

Cái đoạn thường ngữ « cái ba góc » nghe nó vẫn rời rạc ra ba chữ, không thể thành một chữ được.

Những đoạn thường ngữ đem thế vào những chỗ cần phải có chữ chuyên môn, nó giòng dài tối nghĩa là lẽ tự-nhiên, không riêng gì cho tiếng việt.

Tiếng nước nào có cách đặt chữ trong câu của tiếng nước ấy : người Annam để tiếng tĩnh-tự sau tiếng danh-tự, người Tàu để tiếng tĩnh-tự trước tiếng danh tự. Nhưng xếp chữ trong đoạn ngắn thế nào thì phải xếp chữ trong đoạn dài in như thế, cho nên nếu đáng dùng một chữ chuyên môn mà mang một đoạn thường ngữ thế nào thì tự nh ên giòng dài và tối nghĩa.

Người Tàu gọi « triangle » là « tam giác hình ». Nếu họ coi cái đoạn thường ngữ *tam giác hình* như một chữ chuyên môn, thì khi muốn nói « deux triangles » tất phải đặt như thế này : « nhị tam giác hình », nghe vẫn không rõ. Nó có cái nghĩa là « cái hình hai ba góc ». Nếu không coi cái đoạn thường ngữ kia như một chữ chuyên môn, nếu mỗi khi viết thành câu lại phá tan tành cái đoạn ấy ra thành ba chữ rồi xếp lại thì khi muốn nói «deux triangles», người Tàu chỉ còn cách viết thế này mới đúng mẹo tàu : « tam giác nhị hình », nghe người ta có thể hiểu là *ba góc hai hình*, như tam khoanh tứ đốm !

Mới có một đoạn hai chữ của người Pháp, mà người Tàu đã lúng túng không thể nói cho minh mạch được, huống chi là một câu hai ba mạnh đề, trong đó đáng phải dùng dăm ba chữ chuyên môn, thì họ sẽ làm làm sao ?

Các nhà tây học lại thâm nho thử dịch câu này ra chữ hán xem sao : « deux triangles rectangles qui ont un angle aigu égal et un côté de l'angle droit égal sont égaux » thì biết người Tàu chưa có thể viết khoa-học chuyên môn được, vì người Tàu chưa hiểu thế nào là chữ chuyên môn cả.

Thử dịch nửa bằng chữ nho, nửa bằng tiếng ta mà xem, cũng vậy, không thể nào viết cho thành câu minh mạch rõ nghĩa được. « Triangle » dịch là « hình tam giác » thì « triangle rectangle » dịch là gì ? Hình tam giác chữ nhật ? Hình-tam-giác thẳng góc ? Hay hình-tam-giác vuông góc ?

Nghe làm sao được, nói làm sao được cho rõ nghĩa nếu không có một chữ chuyên môn thế vào đấy ?

Vì vậy trong văn khoa học mới cần phải có chữ chuyên môn, mới cần phải tạo ra những chữ gọi là chữ chuyên môn, nó tiện và minh bạch tỉ mỉ, nó rút nghĩa của cả một đoạn, một câu, một trương thường ngữ.

Tôi nói trở đi, trở lại, xoay đủ các phương diện để xét những chữ chuyên môn như thế là cốt để cho các nhà khoa học cùng các nhà văn sĩ, thì sĩ nhận thấy một điều hiển nhiên tối can hệ là sự cần thiết của những chữ chuyên môn.

Về khoa học, bất cứ khoa nào, đối với những chữ chuyên môn của người mà mình chưa có chữ, thì mình phải đặt những chữ mới tinh tạo ra mà dùng, dầu khi đứng lẻ tẻ (isolé) có dịch được đúng 100 %, cũng không nên dịch. Khi đứng ở trong câu những đoạn dịch ấy nó sẽ tối nghĩa, mà chỉ ở trong câu thì mới cần đến chữ chuyên môn thôi.

Vậy phải đặt chữ, đặt nhiều lắm, đặt hàng vạn, hàng triệu chữ mới tinh tạo.

(*Đặt ra làm sao, xin coi bài sau*)

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

THƠ ĐƯỜNG Ở NHẬT-BẢN

Số 5

của BẠCH-THẢO-SƯƠNG Tiên-nữ

Khải triền

Hoàng sư bách vạn chinh kiêu lỗ
Dã chiến, công thành thi tác san,
Qúi ngã hà nhan khan phụ lão
Khải ca kim nhật kỷ nhân hoàn !

Nãi-mộc Hi-điều

Dịch nôm

Thắng trận về

Trăm vạn binh vua đem đánh giặc
Bên thành thây núi, trận xông pha.
Nghĩ mình thẹn mặt nhìn bô lão
Được mấy người vui khúc khải ca !

Nghĩa chữ

Kiêu lỗ : Quân giặc ngạo mạn hung hăng.
Dã chiến : Đánh nhau ở khoảng đồng rộng.
Thi : Thây người.
Qui : Xấu hổ.

Lời giải và lời bình

Nãi-mộc Hi-điều (Nogi), danh tướng Nhật - bản, có tiếng nhất là năm 1905 trận đánh thắng Nga ở Lữ-thuận.

Là một nhà làm tướng có tài mà cũng là một nhà làm thơ có tài, Nãi-mộc làm nhiều thơ Hán, ý - tứ hàm súc, lời lẽ trang nhã y như một nho-tướng : một Gia-cát Lượng, một Tăng - Quốc - Phiên, một Nguyễn Công - Trứ. Thi tài của tác-giả, rồi có dịp, ta sẽ trở lại.

Nay tạm lược một ít vỡ-công của tác-giả có liên-lạc với bài thơ dịch trên này.

Năm 1904 — 1905, Nhật đánh với Nga, Nãi-mộc làm lục quân đại-tướng cầm mấy đạo binh vây đánh Lữ-thuận hết sức dữ-dội. Binh Nga chịu không nổi, phải xin hàng. Huân danh đó đã vang động khắp hoàn cầu. Có một nhà thế-tộc ở Âu-châu đã gửi biếu Nãi-mộc một thanh bảo - kiếm, đó là một thanh kiếm báu nguyên của Hoàng-đế Napoléon, để tỏ ý khâm phục và so sánh hùng tài thao-lược của Nãi-mộc cũng như ông tướng-quân quân - vương nước Pháp ngày xưa.

Nãi-mộc mỗi khi hiểu dụ binh-sĩ thường nói ; Con nhà binh thắng bại quan-hệ chỉ trong 15 phút đồng-hồ mà thôi. Hễ biết hăng hái liều chết đánh thực ráo riết trong một khắc thì chắc chắn là làm bại được bên địch, mà lẽ tất thắng tự nhiên là phải về mình. Các bạn Tây học thường nghe nói « un quart d'heure de Nogi » chính là nát nghĩa câu nói đó của Nãi-mộc.

Một ông tướng được cả thế giới hoan-hô như vậy, ai chẳng tưởng ngày ăn trận về, biết bao niềm sung sướng, biết bao nỗi vui mừng, lòng còn có điều gì gọi là điều ân hận nữa. Thế mà lạ lùng thay ! Tướng quân vẫn có nỗi buồn vương vấn bên lòng như một áng mây sầu vơ vẩn bên góc trời lộng lẫy, bóng trời vừa loè sáng sau những ngày mưa gió. Đám mây đó là đám mây chưa tan của trận giông mưa bão táp còn sót lại.

Người người đều ca tụng hoan hô thao lược của tướng quân, mà chính tướng quân thì lại tự thấy mình không có tài năng gì đáng được ca tụng hoan hô như vậy.

Cậy giỏi khoe tài sao cho được, theo tướng quân nghĩ, trăm vạn binh hùng một tay mình mang đi có trách nhiệm trông nom gìn giữ mà đến khi về thì phần chết vẫn không ít hơn phần sống.

Mỗi khi nhìn những cha mẹ thân nhân của binh-sĩ đã chết trận mà tướng quân đau đớn xót thương, tự thấy mình bao xiết thẹn thò còn mặt nào mà nhìn các phụ lão nữa. !

Trận dù có thắng, quanh mình vang dậy khúc khải ca, mà nhớ lại bên thành thây người như núi thì lòng tướng quân vẫn áy náy ngậm ngùi : « *Nhất tướng công thành vạn cốt khô* », bây giờ thì niềm trắc ẩn của lòng Người, nỗi trù trướng của tâm hồn thi-sĩ đã chiếm lấn hết khí địch khái của vị tướng quân trong cơn ảo chiến.

Trong đó lại phát sinh một mối trắc ẩn truy-niệm những sĩ tốt đem mình ra bỏ chiến trường, để một mối nhớ thương cho cha mẹ vợ con.

Có người nói rằng chuyến thắng trận Lữ - thuận này về, Nãi mộc tướng quân có ý muốn tự tử để tỏ lòng thương nhớ sĩ tốt của mình. Nhưng vì vua Minh-trị ngăn lại, lấy lẽ rằng trăm sự là vì vua cả.

Mà vua Minh trị với Nãi mộc thuở nhỏ là bạn học tâm đầu.

Ngày 14 tháng 9 năm 1912, hôm ấy là một hôm mà phàm người Nhật ai ai cũng không quên được.

Hôm ấy đại tướng Nãi-mộc cùng phu nhân đã mặc lễ phục chỉnh tề, đứng trước bức ngự dung

xem tiếp trang 16

Óc khoa-cử từ Đông sang Tây

Anatole France với mảnh BẰNG TÚ-TÀI

PHẠM MẠNH-PHAN

XEM văn-học sử Pháp cận-đại, chúng ta ai không biết đến nhà đại văn-hào Anatole France (1844-1924).

Cụ là một văn nhân lỗi lạc, được nổi tiếng trong rừng văn Pháp bằng cuốn *Crime de Sylvestre Bonnard* xuất bản năm 1881.

Rồi với các danh-tác của cụ, như những cuốn *Livre de mon ami* (1885) *la Rotisserie de la reine Pédauque* 1893 và vài cuốn khác, cụ đã nổi tiếng là một ngòi bút cự-phách trên văn đàn Pháp có một lối viết nhẹ nhàng mà cao siêu, giản - dị và thâm thúy.

Cụ đã từng đi xâu vào con đường văn nghệ và đã được qua những phút vinh-quang đủ đền bù cho cụ về sự tận tụy với ngòi bút và lý- tưởng.

Với một nghệ thuật thuần-túy và với một thiên tài đặc biệt, cụ đã được lĩnh phần thưởng Nobel về văn học ở Stockolm năm 1921 cùng với nhà thông thái Đức Nernst về phần thưởng khoa-học.

Cụ có chân trong Hàn-lâm viện Pháp và năm 1924 vừa đúng 80 tuổi thì cụ từ trần, được nước Pháp làm lễ quốc-táng một cách cực-kỳ long-trọng

Tên tuổi cụ cùng với non sông Pháp trường-thọ và sự nghiệp văn chương bất hủ của cụ được người khắp các nước hoan-nghênh.

Phung-thờ văn-nghiệp mà đi tới được một kết quả vẻ-vang rực rỡ như cụ, thật hiếm có. Vì biết bao người xuốt đời hi-sinh cho văn-chương, cho lý-tưởng mà sống âm thầm trong bóng tối, rồi năm tàn tháng lụi, phải xả thân nhắm mắt bên bờ sự nghiệp, chôn vùi thân thể nát với cỏ cây !

Nhưng cụ Anatole France lại là một người vô-duyên với khoa cử, nên mặc dầu cụ đã bước lên đài vinh-quang, lúc sinh thời cụ vẫn hậm - hực ôm mối hận lòng mà tiếc cho mảnh văn bằng cụ đã từng thiết tha trìu mến.

Câu chuyện cụ đi thi rớt bằng tú tài phần thứ nhất là một giai thoại nên thơ đáng đem để mua vui kể lại cùng bạn đọc,

Năm 1860, trong số các thí-sinh được vào vấn-đáp, giáo-sư Hase sau khi xem căn cước của một cậu bé 16 tuổi liền niềm nở hỏi :

— Lại gần đây con ! người ta giới-thiệu với ta còn là một thí-sinh lỗi lạc. Thế thầy hỏi con : có phải sông Seine chảy ra bể Manche không ?

Thí-sinh rút rát khẽ đáp :

— Thưa giáo-sư vâng,

— Được ! Thế sông Loire chảy ra đại - hải Atlantique chứ ?

— Bẩm chính thế,

— Đúng lắm, Thế bây giờ con nói thầy rõ có phải sông Rhône chảy ra hồ Michigan không ?

Chẳng biết thí-sinh ấy có biết đó là một câu hỏi để cho thí-sinh vào cạm không ? Và có nhớ rằng sông Rhône ở phía nam nước Pháp chảy ra bể Méditerranée chứ không phải ra hồ Michigan ở vùng Les Grands Lacs phía bắc nước Mỹ ?

Vì dốt địa-dư hay vì dút dát không dám trái lời giáo-sư đã hỏi mình một cách niềm nở, thí-sinh ấy liền trả lời luôn :

— Bẩm quả không sai.

Giáo-sư Hase, trước câu trả lời ngộ nghĩnh ấy, liền nổi cơn thịnh-nộ mà quát lớn :

— Ầ sông Rhône chảy ra hồ Michigan. Trời đất bởi ! anh học ở sách nào bảy nói tôi nghe. Anh là đồ con lừa, thôi, mời anh ra.

Nói đoạn, giáo sư liền đưa giả giấy căn - cước của thí-sinh và tặng cho thí sinh một con « zéro » lớn !

Lẽ cố nhiên kỳ thi đó thí-sinh ấy bị rớt một cách chua cay, và từ đó chàng đành đoạn tuyệt với khoa cử !

Thí sinh ấy là ai ?

Chính là Anatole Thibaut, tức Anatole France cụ hàn bất tử sau này của nước Pháp.

Thế là Anatole France đã vô duyên với nghề thi cử và từ đó dấn thân trong văn chương cụ vẫn không quên được cái văn bằng tú tài nó vẫn thường ám ảnh theo rõi cụ cho tới ngày đầu bạc răng long.

Trong tập chí *Nouvelles Litteraires* ở Pháp năm

1941 ông J. J. Brousson với giọng khôi hài có kể chuyện lại như sau đây ;

Một hôm, cụ hàn Anatole France có đến dự một bữa cơm chiều ở nhà bà De Caillavet.

Cụ có gặp trong đám quan khách ông Léon Bérard, hồi đó làm tổng trưởng bộ giáo dục.

Ông Léon Bérard gặp cụ, liền tỏ ý sẵn lòng giúp đỡ cụ nếu cụ cần đến.

Cụ liền đáp ;

— Được tôi biết ông có quyền hành như thế và tôi chỉ yêu cầu ông cho tôi đậu bằng tú-tài, vì ông cũng rõ trước tôi chỉ mới được vào vấn-đáp lần thứ nhất,

Ông Léon Bérard ngạc nhiên ;

— Tôi tưởng cụ yêu cầu gì chứ cái ấy thì quả không sao được. Nếu tôi để cụ đỗ thì chẳng hóa tôi sẽ phạm một việc làm gian lận ư ?

Cụ Anatole France liền nói lớn :

— Uả ; Thế sao lần nào ông ra tranh cử vào Hàn-lâm viện tôi cũng bỏ phiếu cho ông để ông trở nên « bất tử » mà nay ông lại không thể cho tôi đỗ tú-tài được ư ?

Cái giai-thoại trên — nếu quả đúng như ông J. J. Brousson — tỏ rằng cụ Anatole France mặc dầu có thiên tài nhưng cũng không tránh khỏi cái óc khoa-cử nó rất thông-thường trong xã-hội Pháp hồi đó.

Nó chứng rằng người ta mặc dầu vào hạng xuất chúng cũng không tránh khỏi cái ảnh-hưởng của xã-hội mình một cách sâu-xa và khoa xã-hội-học (sociologie) của Auguste Comte đặt ra không phải là vô-ích vậy.

Cụ Pasteur, một ân-nhân của nhân-loại, cũng không tránh khỏi, như cụ Anatole France, có cái óc khoa-cử nó ám ảnh cụ : Năm cụ thi vào trường Cao-đẳng sư-phạm (école normale supérieure) lần đầu, cụ đậu thứ 14. Cụ rất bất mãn với cái kết quả của kỳ thi ấy, cụ liền thôi không vào học và bỏ phí mất một năm. Qua năm sau, cụ lại nộp đơn ứng-thi và kỳ này cụ đậu thứ 4 mới chịu vào học.

***

Các cụ nhà ta lại càng bị ma khoa-cử ám-ảnh một cách tai hại hơn nữa.

Ông Tú Xương 8 lần lều-đều trường ốc qua 24 năm trời mới nên danh « ông tú ». Cụ Nguyễn công-Trứ tài ba lỗi lạc đã từng nếm cái thi vị thi trượt bao phen và mãi năm 36 tuổi mới gặp được ông Lê văn-Duyệt biết tài giỏi lấy đậu tú-tài (1813) và qua khoa sau (1819) mới đậu giải-nguyên.

Một danh-sĩ đời Lê ngoài 60 tuổi còn lều chõng đi thi và bị quan chấm trường lại là vị con cả mình vo tính danh h ông qua kỳ đệ tam ;

Một nhà nho vàng Cột, 64 tuổi còn đi thi, đậu đến sáu lần tú-tài và không sao đậu được cử-nhân ; Trong khoa rốt cụ ứng thi, mấy chữ « *quốc mẫu thất tuần thọ* » ở đoạn văn Kim cụ viết nhầm ra « *bát tuần thọ* » rồi bị quan trường phê « khiếm cẩn », đánh hỏng.

Và ngày nay trong đám con Hồng cháu Lạc cái óc khoa-cử vẫn chưa hề gột sạch : có vị thiếu niên anh tuấn đã từng 18 lần đi thi bằng Thành-chung và mãi lần cuối mới đỗ ;

Đỗ để làm gì ? Để lấy mảnh bằng mang danh với đời, rồi để bằng đó mọt nhâm dưới đáy hòm.

Phải chăng về mặt chuộng khoa cử, Đông và Tây đã gặp nhau ?

Câu danh ngôn của văn sĩ Anh, Ruyard Kipling bảo « Đông là Đông, Tây là Tây không bao có thể gặp nhau được » có lẽ là một câu có thể cãi trái lại.

PHẠM MẠNH-PHAN

Tham khảo :
Paris soir 1938 ;
Nouvelles littéraires 1941 ;
Lê-Thước : *Nguyễn công-Trứ* ;
Crouzet ; *Histoire illustrée de la littérature française.*

Nhà xuất bản « NGUYỄN DU »
số : 11, Hà-nội
Đường 206bis

MỚI CÓ BÁN :

BÀ QUÂN MỸ
Lịch sử tiểu thuyết của CHU THIÊN
Cả một tấm gương tiết-liệt cho phái nữ-lưu.
Mới phát hành : Giá : 1p00

TẬP - KIỀU
Tập văn rất tài tình của TÚ POANH
Có 8 phụ bản của họa sĩ Nguyễn Đức Nùng
Đã hết : Giá 1p00

TRÊN ĐƯỜNG NGHỆ THUẬT...
của Vũ-Ngọc-Phan
(sẽ tái bản nay mai)

Bón xem : RĂNG ĐEN *của cô* Anh Thơ
THANH LỊCH *của bà* Vân-Đài
« THU » *thơ của* Đỗ cẩm Văn

Du - ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỂ

Số 11

NHẬT-NHAM

A, Bể Pé-lú ở giữa hai hồ, có hai sông chảy vào: sông Tả-điềng đã nói ở một kỳ trước và sông Cốc-tộc phát nguyên từ xã Xuân - lạc.

b) Bể Pé - lầm giao thông với sông Năng.

Một dãy núi đá bích-lập làm giới hạn cho hồ ba-bể về phía tây. Chung quanh hồ có núi bao - bọc, núi có danh tiếng nhất là núi Đán-đeong cạnh bể Pé-lú có hang thuồng luồng, có nhiều tắc-kè, nhiều khỉ, nhiều quả dâu-da.

Giữa bể có nhiều núi, nhiều đảo đột khởi. Cảnh trí thực là u nhã, trông tựa vịnh Hạ-long. Có khác là mặt nước xanh xanh phẳng lặng, không một làn sóng gợn. Núi Ăn-mạ đứng giữa ba hồ, « cỏ cây chen đá, lá chen hoa ».

Trên đỉnh núi có chùa, có dân cư, có di tích đồn binh. Xưa núi này đã từng làm sào huyệt cho quân cường khấu.

Một ngọn núi tên là Khấu-củm trong bể Pé-leèng xưa là nơi dụng vũ của tướng khách Lộc-Mạn-Tằng chống nhau với tướng tàu là Lão Linh đóng ở Cốc-tộc xã Đồng-lạc gần Chợ Điền vào năm Thành-thái tam niên, 1891.

Ngồi trên thuyền ngắm cảnh, trông thực hữu-tình ! Xa xa điểm vài chiếc thuyền độc mộc, lướt trên mặt nước, lượn quanh chân núi, càng làm cho bức tranh thiên-nhiên của thợ Tạo an-bài thêm phần linh-động. Đối cảnh có thể tưởng-tượng như đương ngồi trên mặt nước Ngũ-hồ bên Tàu ! Mà tâm cảnh Tiêu-tương chắc cũng không hơn phần xảo-diệu Lại thêm dãy núi Côn-lôn trùng-trùng điệp-điệp, một dãy núi bích-lập cao hơn mặt bể hàng nghìn thước chạy từ Tuyên-quang sang địa-phận Thái-nguyên. Giữa núi có nhiều động thanh-u. Trong động, thạch-nhũ rủ xuống lóng lánh tựa ngọc-châu, cảnh-sắc như vẽ !

Thực là một nơi đại-thắng-cảnh không bút nào tả xiết được.

Chẳng bay Trần-Đoàn xưa có cưỡi lừa qua núi trúc, ngàn mai hồ Ba-bể, và Tư-mã Tương - Như có qua hồ ấy bao giờ hay không ? Ai về nhắn chàng LưuchàngNguyễn tìm Thiên - thai, Đào-nguyên đâu xa ? . . .

Lại sực nhớ đến hai câu thơ của cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh-Khiêm :

« *Trăng trong gió mát là tương-thức,*
« *Nước biếc non xanh ấy cố-tri* ».

Tâm - thần chúng tôi bây giờ dường theo mây gió mà nhẹ-nhàng, lâng-lâng, thư-xướng...

Trải qua bao cơn dâu bể, hồ Ba-bể vẫn mặt nước xanh xanh phẳng-lặng từ nghìn xưa cho tới nghìn nay.

Tuy cũng có đôi phen mặt nước nhuộm màu hồng đỏ, tuy trong khu-vực ba hồ cũng có khi sóng gió, song chẳng bao lâu nước lại trở lại xanh trong, mặt hồ lại trở nên êm lặng, để phô vẻ đẹp với thời-gian...

Năm 1448, hồ Ba-bể đã từng làm sào-huyệt cho quân cường-khấu. Đảng giặc Ba-bể hợp-tác với giặc miền Bảo-lạc và An-phú những toan khuấy nước chọc trời, song đều bị vua Lê-Nhân-Tôn (1443-1459) hàng phục ngay.

Kịp đến khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, làm vua được 65 năm từ Mạc Đăng-Dung đến Mạc-mậu-Hợp 1527-1592, thì bị Trịnh - Tùng đánh thua, đem lại giáng-sơn đất nước về cho nhà Lê.

Trịnh - Tùng tuy đã giựt được nhà Mạc, lấy lại được đất Đông-đô, nhưng nhà Minh vẫn có ý bênh nhà Mạc, không chịu nhận nhà Lê. Vả con cháu nhà Mạc hãy còn nhiều, nay xưng vương chỗ này, mai khởi loạn chỗ khác, nên Trịnh Tùng phải một mặt dùng trí để giữ cho nhà Minh khỏi quấy nhiễu và một mặt dùng lực để đánh dẹp dư-đảng họ Mạc vẫn thường lấy hồ Ba bể làm nơi căn cứ.

Mạc Kính - Cung trước đã chạy sang Long-châu, sau lại về, cùng với dư-đảng đánh phá đất Cao bằng, Lạng - sơn và Thái nguyên 1598. Trịnh-Tùng đuổi đánh. Mạc Kính-Cung bị thua trận hồ Ba bể, sang kêu với nhà Minh ; nhà Minh bắt nhà Lê phải để đất Cao - bằng cho con cháu họ Mạc.

Về sau, cháu Mạc-Kính Cung là Mạc-kính-Khoan lại đem quân về đóng ở Gia-lâm, đánh nhau với nhà Trịnh. Trịnh-Tráng đánh đuổi, Kính-Khoan lại về ẩn-nấp ở đất Cao-bằng.

Năm 1625, Trịnh-Tráng sai con là Trịnh-Kiều đem quân lên đánh Cao-bằng. Quân nhà Mạc bị phá tan tại miền Ba-bể và Mạc kính-Cung bị bắt giết. Còn Mạc Kính-Khoan chạy thoát sang Tàu dâng biểu xin hàng.

Năm 1862, hai đảng giặc Tàu do tướng Tạ - văn - Sơn và Lê - Khôi-Nguyên chỉ-huy chiếm tỉnh Thái-nguyên. Quan Tổng-thống quân-vụ Nguyễn Tri-Phương lấy lại được thành Thái-nguyên năm sau 1863, đuổi giặc khách mãi đến vùng Ba bể mới dẹp tan.

Năm 1878, quân Tàu do Lý Dương Tài làm tướng, đánh nhau với quan quân ta, chiếm tỉnh Lạng - sơn. Quan Đề-đốc Quảng-tây Phùng tử-Tài đem quân sang cùng với quân ta hội tiễu. Năm 1879, Lý-Dương-Tài bị bắt tại núi Nghiêm - hậu Thái-nguyên) giải về Tàu. Còn dư-đảng như Đàm Chí-Thanh và Đại Cự-Hoa đem quân chiếm vùng Ba-bể. Nhưng chẳng bao lâu cũng bị quan quân làm cho phải hàng phục.

Nước Pháp đặt chân đến xứ Bắc-kỳ, đem quân lên miền Thượng-du để trừ những đảng giặc Tàu quấy nhiễu dân-gian.

Vì miền Ba-bể là nơi hiểm-trở, nên đạo quân của Đại - tướng Servière, sau khi dẹp yên miền Ba-bể, bèn lấy Ba-bể làm căn-cứ để tiến quân tuần-tiễu các nơi.

Trên là lược qua những thời-kỳ mặt nước ba hồ bị vết máu giặc làm cho vẩn đục. Vì tài-liệu chưa được đầy-đủ, nên sự ghi-chép còn mong ở độc-giả chư-tôn bổ khuyết cho, tôi xin cảm-tạ.

∴

Mải vui ngắm cảnh, đã thấy thuyền ra tới cửa bể Pé-lầm. Một giòng nước đục cuồn cuộn chảy xuôi, như một giải viền nâu của hồ Ba-bể, trong khi mặt nước hồ vẫn trong xanh không hề vẩn đục. Ấy là sông Năng là một chi-lưu của sông Gầm. Cách cửa bể 3 cây số có thác Hua-tang (Đầu đẳng) Thuyền theo giòng sông xuôi xuống 2 cây số thì sang hữu-ngạn cắm sào. Đoàn du-lịch lên bộ, đi một cây số tới thác. Thác này thuộc xã Nam-mẫu châu Chợ rã, và giáp địa-phận xã Đa-vỵ thuộc tổng Côn - lôn, châu Chiêm - hóa (Tuyên-quang). Thác dài một cây số từ trên cao gieo xuống, tóe ra như hình tấm bạc, xếp thành từng bực, trông rất hữu-tình ! Thuyền-bè không thể qua lại nơi này được, vì tới gần, giòng nước chảy mạnh, nên phải đỗ thuyền từ xa, để tránh mọi sự nguy-hiểm.

Muôn nghìn đá dựng như thang,
Nước reo ! Này thác Hua-tang miền Hồ !
Kiền khôn riêng một họa đồ,
Hóa-công đã khéo điểm-tô sơn-hà ! . . .

Xem xong thác Đầu-đẳng, chúng tôi lại đi bộ ngược lên, xuống thuyền, theo dọc sông Năng đi thăm hang Puông thuộc địa - phận xã Khang-ninh và Cao-thượng (châu Chợ-rã).

Vì trời mới mưa, có nước nguồn chảy về, nên giòng sông vẩn đục, chảy mạnh vô cùng. Thuyền chở ngược giòng, thực là vất vả. Ngồi trên thuyền trông xuống giòng sông, lại sực nhớ đến mấy câu của cổ-nhân truyền tụng :

Nước trên nguồn, nước trong như lọc,
Nước ra nguồn, nước đục ngầu ngầu.

Và :

Lờ lờ như nước thẳng giòng,
Băng băng như nước chảy vòng, chảy quanh.

Lúc đầu, nước suối trong suốt đáy, rồi từ trên nguồn chảy xuống, cuốn lẫn cát sỏi bùn đất đem theo vào trong ngọn trào lưu thành ra nước đục ngầu ngầu. Dần dần, ngành nọ, chi kia, lạch này, vũng khác, phân chia làm nhiều đường, lâm ngả, mênh mông man mác, không biết đến đâu là cùng, giàn giụa chứa chan, không biết bao giờ cùng tận ! Gặp khi êm-ả chiều trời, thì mặt nước phẳng lặng như tờ ; đến khi mưa sa gió táp, giòng nước sôi nổi, sạo sục, như cau có, như hờn giận, như gầm thét, mất hết cả bản thể trung tính tự nhiên.

Ấy cái lòng dục của người ta cũng ví như giòng nước lúc đầu chỉ là những nguyện vọng đối với những sự nhu dụng, như đói muốn ăn, khát muốn uống, rét muốn ấm, nực muốn mát, cần cho đầy đủ những sự cần dùng về phần vật-chất. Trình độ của loài người càng ngày càng tiến thì nguyện vọng của loài người càng ngày càng thêm nhiều, càng bành trướng, lênh láng không bờ không bến, không biết đến đâu là cùng là kiệt.

Đủ biết người xưa ngâm phúng đã từng mượn giòng nước mà nói bao nhiêu ý nghĩa sâu xa.

Hai bên bờ sông Năng đều là núi đá bích lập, có hang sâu hay rừng dậm, cho nên lòng sông sâu chỉ tiện dùng bơi chèo mà thuyền đi rất chậm.

Cứ mỗi ẩn tới một khúc sông, muốn tránh luồng nước chảy mạnh, thuyền lại phải tạt sang ngang mới có thể qua nhiều nỗi nguy - hiểm. Câu «nhập giang tùy khúc» lại xuất hiện, trong ký-ức tôi và được hai chú lái Thổ thực - hành một cách triệt-để.

Thuyền ngược được nửa đường, mở xem đồng-hồ đã mười hai giờ trưa. Chúng tôi cho thuyền đỗ vào một khúc sông vòng thủng tại địa-phận Bản-cám, trên có cổ - thụ bóng mát, dưới có mặt nước êm-tĩnh, cắm sào để ăn sáng.

Mấy người Thổ chặt tre vót đũa ; rồi chúng tôi làm công việc « phân phát lương thực» cho mọi người. Tất cả có 12 người chia làm ba cỗ để khắp trên mặt thuyền, cùng ăn vui vẻ Bữa cơm hôm ấy rất ngon trong một bầu không-khí bình dân, êm đềm. «Đói là anh đầu bếp giỏi». Không bao lâu những nắm cơm nếp, cơm tẻ to bằng quả bòng đều tiêu-thụ hết cả.

(*còn nữa*)

NHẬT-NHAM

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENTS CAO-DOT

chuyên bán buôn và nhận dệt khoán các thứ hàng nội hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux-shantung, Lin, Faux tropical, Tussor, Tussor demi - soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô gạo, vân vân.

Nơi giao dịch :

N° 2, Rue Strassbourg, Haiphong

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0p50 bằng timbre để làm cước phí.

Kỷ niệm Nguyễn-Du

Cuộc đời bí-mật của nàng Vương Thúy-Kiều, sáu trăm năm về trước

L. T. S. — Tiếp sau bài « Cụ Tiên-Điền với chúng ta » đã đăng trước, nay xin lục đăng bài diễn văn đọc tại nhà « Ciné-Morin Frères » ở Qui-nhơn hôm 19 9-42 *của ông Hoàng-Diệp vào mục này để thập tập lấy những tài-liệu trong dịp kỷ niệm Nguyễn-Du. Bấy nay nhiều nhà học giả thường nhìn Thúy-Kiều theo bản truyện của Thanh-Tâm tài nhân, nay ông Hoàng-Diệp nhìn Kiều theo bản Ngu sơ tân chí và bản Lục dã tiên-tông. Vậy xin cứ đăng nguyên văn, để các bạn tham khảo.*

HOÀNG-DIỆP

« Mai sau dầu có bao giờ,
« Đốt lò hương ấy, se tơ phím này ;
« Trông ra ngọn cỏ lá cây,
« Thấy hiu hiu gió thì hay chị về »

Thưa các ngài,

NÀNG Vương-Thúy-Kiều là một nhân-vật có thực dưới triều Minh đời vua Gia-Tĩnh ở bên Tàu. Nàng đã sống một cuộc đời hoàn toàn ly kỳ bí-mật, cuộc đời của một nữ gián-điệp rất lành nghề.

Thời ấy ở đất Việt thuộc Trung-hoa, có một tráng-sĩ họ Từ tên Hải, cùng bạn là Trần-Đông, hai viên dũng-tướng đã từng làm thất điên bát đảo các đạo quân nhà Minh, và Triều-đình vẫn kiêng-nể, hằng lo sợ cho chiếc ngai vàng của vua Gia-Tĩnh. Cụ Nguyễn-Du đã khéo vẽ lại chân-dung của viên tướng giặc ấy :

« *Râu hùm, hàm ếch, mày ngài,*
« *Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.*
« *Đường đường một đấng anh-hào,*
« *Côn-quyền hơn sức, lược-thao gồm tài* ».

Trước thế-lực càng ngày càng mạnh của Từ-Hải, Triều-đình mới cử Hồ Tôn-Hiến ra làm đồng-nhung. Xem sách *Ngô-Việt Xuân-Thu*, nghĩ đến kế-hoạch của Phạm-Lãi khéo dụng Tây-Thi đánh đổ Ngô Phù-Sai, Hồ Tôn-Hiến mới định dùng mỹ-nhân-kế để phá tan giặc Từ. Lúc bấy giờ Vương Thúy-Kiều mới ra mặt và sau này nhờ có tài, có sắc và lắm mưu-mô, nàng đã đóng nên vai một nữ gián-điệp, một « nhân-vật quốc-tế », rất quan-trọng trong thời-kỳ chiến-tranh ấy.

Theo bản *Ngu-Sơ Tân-Chí*, Vương Thúy-Kiều nguyên quê-quán ở Lâm-chi. Hồi nhỏ, người ta đem bán nàng cho một bọn hát và bọn ấy đã đặt tên nàng là Kiều-nhi. Tuổi tuy còn nhỏ, nàng có thiên-tư đặc-biệt, thông-minh lạ thường và mặt mũi rất khôi ngô tuấn-tú. Chỉ là một nữ ca-nhi, nhưng nàng vẫn có tư-cách của một thiếu-nữ con nhà khuê-các. Về sau, bọn con hát đem nàng về ở đất Giang-nam và dạy cho nàng học nghề ca-hát và đánh đàn. Sở trường của nàng là hát lối Ngô-du và đánh đàn Tỳ-bà-hồ. Ngoài ra, nàng còn thổi sáo rất hay, ai nghe cũng phải cúi mặt chau mày. Trong xóm làng chơi, Kiều-nhi đã nổi danh xuất chúng. Nhưng nàng vốn người thanh-nhã, không quen thói « đưa người cửa trước, rước người cửa sau », nên nàng thường bị bà chủ nhà đánh đập chửi mắng. May có một người trẻ tuổi thương xót cảnh nàng, cho riêng Kiều-nhi những món tiền để thoát ra vòng thành-lâu và đón đến Gia-hưng đổi tên là Vương-Thúy-Kiều. Hồi đó, có người ở huyện Háp (Tỉnh Giang-nam) tên là La Long-Văn, con nhà giàu, lại có lòng hào-hiệp hay giao-du, bạn-bè với Vương Thúy-Kiều. La Long-Văn lại có nuôi một con hát gọi là nàng Lục-Châu. Thời ấy ở xứ Việt, Từ-Hải một tay gian-hùng trộm cướp, ngang tàng vừa bị tầm-nã, nên lẩn tránh vào nhà Thúy-Kiều. La Long-Văn biết Từ là một tay lỗi-lạc, mới kết bạn, thường sánh vai uống rượu, lại đem nàng Lục-Châu cho làm con hầu. Trong lúc rượu say, Từ-Hải nói cùng Long-Văn rằng : « Miếng đất cỏn con này không phải là trường đắc ý của bọn ta. Người

Thống chế Pétain đã nói :

« Các người cần nhất chẳng nên ngã lòng. Ví dù bản chức được quyền như vậy, thì đã ngã lòng từ lâu rồi. Bản chức sẽ gánh việc lớn cho đến khi hoàn-thành và mong rằng ai ai cũng noi theo gương đó ».

trượng phu đâu cứ chịu ở dưới quyền người ta mãi thế ru ? Từ đây, tôi xin đi . . . và khi được phú quí, xin đừng quên nhau ».

Từ-Hải người khí-phách anh-hùng ấy là Minh-Sơn hòa-thượng ở chùa Hồ-bào hạt Hàng-châu. Nuôi sẵn cái mộng tưởng « chọc trời quấy nước ». Từ-Hải đã có ý muốn xưng vương một cõi, nhưng một thân Từ Hải không làm gì nên chuyện nếu không vây cánh, không người giúp sức. Vì thế, nên Từ mới kết thân với Trần-Đông, người đã cùng Từ thờ chung một ý-tưởng. Rồi đôi bạn giang-hồ xuất dương, sang đất Nụy quốc. Mến phục cái tài thao-lược, cái chí anh-hùng có thừa của Từ-Hải, một số đông dân bản xứ đã qui-tụ dưới ngọn cờ của chàng. Sau một thời-gian, Từ-Hải đã tổ chức xong một đạo binh gồm có thuyền bè rất nhiều. Chàng kéo qua bể Trung-hoa, vào chiếm đất Giang-nam. Cuộc thắng lợi đầu tiên của Từ là chiếm tỉnh lỵ Đồng-hương, vây bắt quan Tuần-phủ Nguyễn-Ngạc ; hồi ấy thuộc về đời vua Gia-Tĩnh thứ 35 triều Minh. Phủ-đường mất, quân Tàu tan vỡ, Từ-Hải đường đường làm bá chủ đất Giang-nam.

Một hôm, trong lúc khao thưởng ba quân, các viên tù-trưởng mới dẫn Vương Thúy-Kiều và Lục-Châu ra mắt Từ-Hải, vì hai nàng cùng bị bắt ở phủ Đồng-hương. Đứng trước cái nhan sắc diễm-lệ của Thúy-Kiều :

« Làn thu-thủy, nét xuân sơn,
« Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh »

và tài hoa lỗi lạc của nàng :

« Một hai nghiêng nước, nghiêng thành,
« Sắc đành đòi một, tài đành họa hai ;
« Thông-minh vốn sẵn tính trời,
« Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm »

thì Từ-Hải động lòng thương và cho mời vào hầu rượu Nghe Kiều đánh đàn Tỳ bà-hồ, tấm lòng của khách nghĩa-sĩ cũng phải xiêu và từ đấy Từ-Hải mới cho gọi là phu-nhân Thúy-Kiều được quý chuộng không ai bằng, nên trong những việc quân cơ bí-mật, nàng vẫn được phép dự nghe, dự bàn. Song Thúy-Kiều ngoài mặt tuy là người tâm phúc của Từ, mà trong thì nàng là cái di-họa sẽ gây nên sự thất bại cho Từ về sau. Mỗi khi gần Từ-Hải, bao nhiêu tài năng lỗi-lạc, nàng đều thi thố, mong mua lấy lòng tin của Từ về sau này, để làm xong cái sứ-mệnh mà La Long-Văn đã phú thác cho nàng.

Nghe đến đây, hẳn các ngài ngạc nhiên và tự bảo rằng đối với Từ-Hải, Thúy-Kiều vẫn có tấm tình duy nhất ; nào là :

« Rộng thương cỏ nội, hoa hèn,
« Chút thân bèo bọt, dám phiền mai sau »

Và khi Từ-Hải ra đi dẹp giặc, Thúy-Kiều lại xin :

« Nàng rằng : phận gái chữ tòng,
« Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi ».

Mãi đến khi Từ-Hải chết trên ngựa, Kiều còn than vãn :

« Khóc rằng chí dũng có thừa,
« Bởi nghe lời thiếp nên cơ hội này,
« Mặt nào trông thấy nhau đây !
« Thà liều sống thác một ngày với nhau ».

Bao nhiêu lời lẽ nói trên đều chứng tỏ tấm lòng duy nhất của Kiều đối với Từ-Hải, nhưng đó chỉ là nàng Kiều của cụ Nguyễn Du, nhân cách của nàng chép theo ý muốn của cụ vậy.

Với sự thật, như trong bản hán văn của Tàu, Thúy-Kiều cũng như Tây-Thi, cũng như Điêu-Thuyền, chỉ là một người giúp việc hành binh của Triều-đình. Các ngài nên nghĩ kỹ vì lẽ gì cụ Nguyễn-Du lại hạ câu thơ :

« Đã hay thành toán miếu đường »

khi Hồ-Công đã giết được Từ-Hải ? Câu này không nói rõ cái kế mỹ nhân của Hồ-Công là gì ? Một công việc đã dự định trước và bây giờ mới có kết quả.

Còn việc nàng Kiều nhảy xuống sông Tiền-đường, các ngài sẽ bảo mối tình của nàng cùng Từ Hải nếu không có thủy có chung, sao lại xảy ra cái cảnh đau thương như thế được ?

Đến đây, tôi xin nhắc lại hai điều :

1 Điều thứ nhất thuộc về cá nhân. — Khi Thúy-Kiều bị Hồ-Công bắt, Thúy-Kiều chỉ một lòng xin về thăm cố hương lẽ tất nhiên nàng ngụ ý gặp lại người thương là La Long-Văn (theo truyện Tàu) tức là Kim-Trọng (theo truyện của cụ Nguyễn-Du). Nhưng lại bị Hồ-Công đem thân nàng cho một viên tù-trưởng, thế là nàng không được toại nguyện, nên đành phải thác ở sông Tiền-đường.

2 Điều thứ hai thuộc về chánh sách hành binh của các nhà quân sự. — Ai hay được Nguyễn-Trãi một đại công thần triều Lê bị chu di tam tộc ? Ai thấu rõ được tình cảnh Hàn-Tín một đại võ tướng có công gây dựng nên giang san nhà Hán ở Tàu lại bị vua Hán Cao-Tổ giết chết ? Có ai hiểu được Ngũ Tử-Tư trung-thần đời Ngô bị vua Ngô Phù-Sai sát hại ? Thúy-Kiều cũng sống vào cái cảnh ngộ đau đớn ay, chỉ khác là nàng mượn giòng sông Tiền-đường mà giải oan để tránh khỏi những lưỡi gươm oan nghiệt của các nhà hành binh đó thôi.

còn nữa

HOÀNG-DIỆP

Về bài phê-bình «Thi văn tập» ở số 70 trước

Trong bài phê-bình ở T. T. số 70 có in lầm và sót mấy chỗ, nay xin sửa và bổ lại: trang 6, cột 1, giòng 21: «đã làm chúng cho», xin đọc là «đã làm *chứng* cho».

Trang 6, cột 2, giòng 6: «ca kim», xin đọc là «ca *ngâm* — chữ «ngâm» khẩu bằng chữ kim.» Và dưới câu chữ nho đó có sót mấy lời chua rằng: «Chắc cụ Phan mạnh-Danh theo bản *Cổ văn hợp tuyển*, mộc bản, quyển X, tờ 32 a, nên viết là ca *ngâm*. Nhưng tôi thấy trong bản *Cổ văn quan chỉ*, thạch bản, quyển X, tờ 27a, in là ca *xuy* — chữ «xuy» khẩu bằng chữ khiếm. Vậy, thiết tưởng nên theo bộ thạch-bản này mà viết là ca *xuy*, có lẽ đúng hơn. Vì «ca *ngâm*» chỉ có ý là ca-hát ngâm-ngợi; chứ «ca *xuy*» thì, ngoài ý ca hát ra, còn có ý *thổi* nữa: thổi sáo, thổi còi, hoặc thổi ốc... Như thế có lẽ «ca xuy» ăn xát với ý-nghĩa mấy chữ «mục đồng tiêu tẩu» ở trên hơn».

Trang 7, cột 2, giòng 12: «tiêu-sài», xin đọc là «tiêu *sắt*».

Trang 7, cột 3, giòng 33: «thợ thơ hán viết» xin đọc là «thợ thơ hán-*việt*».

Trang 8, cột 1, giòng 58: «chữ đao», xin đọc là «chữ *đào*».

Trang 8, cột 2, giòng 24, 25: «mọc bên chữ triệu», xin đọc là «*mộc* bên chữ triệu».

Còn «lời chú» số 2 là chua vào sau chỗ nói về «Tâm-nguyên từ-điển» ở trang 8, cột 2 giòng 26-27.

Sau «Trúc mai sum họp» sẽ đăng một truyện rất hay rất thú

Khúc nhạc bên đường

Vài tiếng động vang vang trong hộp gỗ,
Rồi lời ca cám dỗ khách qua đường.
Điệu Nam ai đầy những vẻ bi thương,
Nhịp cung Bắc chứa chan bao tình tứ,
Ru lòng kẻ tâm can đầy tư lự,
Gội nắng mưa chống cự với nghèo nàn;
Cầm tay xe dưới trời nắng chang chang,
Lắng khúc nhạc để mơ màng giây phút.
Vai gánh nặng bỗ hôi tuôn như trút,
Dừng lại đây, hưởng một chút dư âm,
Hồn hiu hiu theo tiếng nhạc thăng trầm,
Quên một phút, trăm ngàn điều lo lắng.
Hỡi tiếng nhạc! say sưa và nồng mặn,
Véo von trong êm lặng của trưa hè...
Kẻ giàu sang chẳng muốn để tai nghe,
Nhưng rung động bao tâm hồn chất phác.
Xin cứ đàn! cứ ca! và cứ hát,
Cho lòng ai chốc lát được vui khuây,
Cho hồn ai tươi tỉnh một vài giây,
Quên những nỗi lầm than bày trước mắt!

HẰNG-PHƯƠNG

Trăng Hồ Gươm

Mỗi lá trên cành một mảnh trăng.
Tháp Rùa huyền ảo hiện trong sương.
Mặt hồ nước đứng trôi mây bạc.
Đường phố đèn treo úa sáng vàng.

CÁCH-CHI

Thơ Đường ở Nhật bản

tiếp theo trang 9

vua Minh-trị đã phủ vải tang, nét mặt thái nhiên điềm tĩnh lặng lẽ chờ đợi một phút thiêng liêng sắp tới. Một tiếng súng nổ rung động khắp hoàng thành. Hai vợ chồng tự mình cầm dao mổ bụng tự tử theo vua để tỏ lòng trung liệt. Hôm ấy là hôm cất đám vua Mục-nhân Minh-trị thiên hoàng mà tiếng đại bác đó là tiếng đại-bác báo hiệu linh cữu tiên đế sắp dời ra khỏi kinh khuyết.

Thực không còn cái hành-vi nào để cho ta cảm-động và cảm-phục hơn nữa. Tội chết theo vua, vợ chết theo chồng. Lại đáng cảm phục hơn nữa là hành động đó giữa cảnh quang-vinh hiển-hách.

Khảng-khái tùng vương dị,
Thung dung tựu nghĩa nan.

Khó là khó ở chỗ thung-dung tựu nghĩa.

Bài thơ phúng-viếng Nãi-mộc tướng-quân của Sam-phố Trọng-cương có câu:

Tâm-sự minh minh hoàn bạch bạch
Thần-châu chính khí lại quân tồn.

thực là như hai vầng mặt trời mặt trăng nghìn muôn năm treo cao tấm gương chính-khí sán-lạn rực-rỡ cõi đất thần-châu linh-tú. *Còn nữa*

BÁCH THẢO SƯƠNG, Tiên nữ

Bia văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 41 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

NGƯỜI soạn bài văn bia khoa ất-mùi 1475 tên là Lê-ngạn-Tuấn. Trên mặt bia cũng khắc tên như thế. Nhưng các sách in và sách viết đều chép là Lê-tuấn-Ngạn. Ông là người làng Vĩnh-lộc, huyện Tế-giang, nay là Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, ngụ ở làng Ngọc-bộ. Đỗ hội-nguyên đồng-tiến-sĩ năm Hồng-đức thứ ba 1472. Làm quan đến Đông-các hiệu-thư. Hai lần phụng mệnh đi sứ. Đầu niên-hiệu Cảnh-thống (1498), thăng Lễ-bộ tả-thị-lang, dần dần thăng đến Hộ-bộ thượng-thư. Bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí-Đôn, sách viết của Trường Bác-cổ, số A 1262, quyển 11, tờ 31 a, có sao mười bài thơ-cận-thể của ông Lê-ngạn-Tuấn, đề là : 1, Tướng sĩ nhớ nhà, — 2 Anh-tài-tử, — 3, Động Lục-vân, — 4, Bái yết Sơn-lăng, — 5, Sông Thiên-vực nhổ neo sáng sớm, — 6 Nhớ huân-nghiệp đức Thánh-tổ, — 7, Ngự nhà Kiến-thụy, — 8, Đóng quân châu Thúy-ái, — 9 Nhớ công-nghiệp hai vua trước : chín bài trên này đều phụng họa ngự chế, — 10. Tiễn quan hiệu-thư Đàm-văn-Lễ đi sứ Tàu (chép theo *Đại Nam nhất thống chí*, sách viết của Bác-cổ, số A. 69, quyển Bắc-ninh, tờ 32 b, và *Toàn-Việt thi-lục*).

Khoa ất-mùi 1475, đỗ đệ nhất giáp ba người, tức là tiến-sĩ cập-đệ :

1. — Vũ-tuấn-Chiêu, người phường Nhật-chiêu, — bây giờ là làng Nhật-tân, vì đời vua Thành-thái (1889 1907) quốc-húy chữ Chiêu nên phải đổi, — huyện Quảng-đức, — năm Gia-long thứ tư, 1805, đổi là huyện Vĩnh-thuận, bây giờ là Hoàn-long, — phủ Phụng-thiên, bây giờ là Hoài-đức, — thành Thăng-long, bây giờ là Hà-nội. Làm nhà ở xã Cổ-liễu, huyện Nam chân, — *Đăng khoa lục* chép là Tây-chân. Đỗ nhất-giáp tiến-sĩ đệ-nhất danh, tức trạng-nguyên, khoa ất-mùi 1475 năm bấy giờ đã năm-mươi tuổi. Làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang (chép theo *Đại-Việt đỉnh-nguyên phật-lục*, sách viết của Bác-cổ, số A 1205, tờ 14 a, và *Đăng khoa bị khao*, sách viết của Bác-cổ, số A 485, quyển Phụng-thiên, tờ 106 a-b).

2 — Ông-nghĩa-Đạt, người xã Phú-gia, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Làm quan đến Đô-ngự-sử. Tháng mười năm 1476, phụng mệnh làm chánh sứ sang nhà Minh (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, thu-tập thượng, tờ 3 a). Về việc ông Đạt đi sứ, bộ *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 23, tờ 3 b-4 a, chép rằng : « Trước đây vua nhà Minh lập hoàng-tử Hựu-Đường làm hoàng-thái-tử, sai Lễ-bộ lang-trung là Trương-đình-Cương đem sắc sang cáo cho vua ta biết và tặng lụa mùi, lại nói nên trả đất cho Chiêm-thành (Champa) Đến mùa đông tháng mười năm bính-thân 1476 hiệu Hồng đức thứ bảy, vua Lê Thánh-tôn sai Bùi-Sơn, Vương-khắc-Thuật, Chử-Phong sang Tàu mừng việc lập hoàng-thái-tử ; Lê-Tiến, Ông-nghĩa-Đạt tạ về việc tặng lụa mùi ; Nguyễn-Tế nói về việc cõi đất Chiêm-thành ».

3 — Cao-Quỳnh, người xã Cao-xá, huyện Đông thành, phủ Diễn-châu, tỉnh Nghệ-an. Năm hai-mươi-bảy tuổi, thi hương đỗ nhất cử, nghĩa là đi thi một khoa đỗ cử-nhân ngay, thi hội khoa ất-mùi 1475 đỗ đầu, tức là hội-nguyên, thi đình đỗ nhất-giáp tiến-sĩ đệ-tam danh, tức là thám-hoa. Ông nguyên tên là Lư, có âm nữa là Lô ; vua Lê Thánh-tôn đổi cho tên là Quỳnh. Sách *Đăng khoa bị khảo*, quyển thu-tập trung, tờ 32 b, chép rằng : « Tục truyền ông giỏi về nghề thuật-số — có lẽ chữ *thuật* chỗ này là thuật biến-hóa, chứ không phải là thuật tính độ số, vì câu dưới chép rằng ngày hôm vinh-qui ông đi đường bể, thế mà chỉ một đêm về đến nhà ». Làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cùng các bạn gửi bài

Các bạn có lòng yêu gửi bài đến Tri-Tân, xin làm ơn nhớ viết cho tinh tường, để chừa rộng ngoài biên và chỉ viết một mặt giấy.

Sau khi đã gửi bài nào đến bản-chí rồi, xin đừng gửi bài ấy cho báo khác nữa.

Vì bài nhiều mà khuôn khổ tờ báo có hạn, nên bản-chí cần phải lựa chọn kỹ càng và lúc nào tiện dịp mới đăng dần được.

Bài nào không đăng, xin miễn trả lại bản cảo. — T.T.

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 46 Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

Kim Vân Kiều (bài nối)

Dưới cầu *nước chảy trong veo.*

Cụ Kiều-oánh-Mậu nói : «Có quyển viết là *dưới dòng* ». Quyển *Kim-vân-kiều truyện chú*, sách viết của Trường Bác-cổ, số AB 233 tờ 19 b, chép là *dưới khe*

Bên cầu tơ liễu, bóng chiều la-*tha.*

Bản chữ nôm của Quan-văn-đường và bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh, in là *thướt - tha. La-tha* là chữ trong *Đoạn trường tân-thanh* của cụ Kiều-oánh-Mậu, tờ 5a, nghĩa là bóng mặt trời khi gần tối. *Thướt-tha* là giáng người đi, bộ dài lướt-thướt.

Hải-đường dã *ngọn đông lân.*

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh chép là *lả ngọn* ; bản nôm của cụ Kiều-oánh-Mậu và hiệu Quan - văn - đường viết là «dã ngọn».

Nên câu tuyệt-*diệu ngụ trong tình-tình.*

Cụ Kiều-oánh-Mậu chua : chữ *tuyệt-diệu* có bản viết là *tuyệt cú» (Đoạn-trường tân-thanh*, tờ 5b).

Sương in mặt, tuyết pha thân.

Các bản nôm đều viết là *thân*, nghĩa là mặt và thân trắng như sương tuyết Bản quốc - ngữ của ông Vĩnh in là *chân*, hình như câu-nệ quá.

Sen vàng lững-thững như gần như xa.

Cụ Kiều oánh-Mậu chua rằng : « Đông-hôn-hầu nước Tề lấy vàng lát đất, cho Phan qui-phi đi lên trên, rồi nói rằng : « Mỗi bước nầy hoa sen » Ông Nguyễn-văn-Vĩnh chua là : « Vua Hậu - Chủ nhà Trần yêu Phan Qui-Phi lắm, làm hoa sen bằng vàng mà lát xuống đất cho mà đi, rồi ngồi nhìn cười mà nói rằng : « Qui-Phi đi mỗi bước chân nở ra một cái hoa sen».

Rước *mừng đón hỏi dò la*

Ông Vĩnh chép là *chào mừng.*

Mà sao *trong sổ đoạn trường cố tên ?*

Phường-bản chép là «Mà xem trong sổ đoạn-trường có tên » ; duy có kinh - bản chép là «Mà sao ,,», nghe phải hơn.

Gió đâu khua *bức mành mành.*

Chép theo bản chữ nôm của cụ Kiều-oánh-Mậu. — Bản nôm của Quan-văn-đường và bản *Kim Vân Kiều truyện chú* chép là « Gió đâu *chạnh* bức mành-mành». Bản quốc-ngữ của ông Vĩnh chép là « Gió đâu *sịch* bức mành-mành».

Nỗi riêng lớp - lớp sóng gió

Quan-văn-đường in là «sóng *trôi*», quyển chú-thích viết là « sóng *vùi* ».

Chợp *đi*, thoắt *thấy ứng liền chiêm bao.*

Đoạn-trường là sổ *thế nào ?*

Ông Vĩnh chép là :

Nhắp *đi*, phút *thấy ứng liền chiêm bao.*

Đoạn trường là sổ *thế nào ?*

Nguyên có chữ *Đoạn-trường tập*, là quyển sổ Đoạn-trường, chứ không phải số mệnh về Đoạn-trường : nên đọc là *sổ* thì phải hơn.

Thân *con thôi có ra gì ?*

Phường-bản chép là « *Phận* con . . . » Chữ *thân* ở kinh-bản có lẽ hơn.

Bóng *hồng lẽo đẽo đi về chiêm bao.*

Các bản viết là « Bụi hồng . . . »

Chưa xong đều nghĩ, đã dào mạch tương.

Cụ Kiều-Oánh-Mậu giảng chữ « Tương là nước mắt, vì Tương phu-nhân gạt nước mắt vẩy vào cây trúc, làm cho cây trúc thành lốm đốm hết cả »; còn chữ « mành Tương », trong câu « mành Tương phất-phất gió đàn », cụ chua rằng : « Thơ Kim-Lăng có câu : « Cựu thời tiêu viện Tương-liêm hạ, do bả anh ca hoán khách thanh », nghĩa là ngày xưa ngồi dưới mành Tương trong tiêu viện, còn nhớ tiếng chim anh-vũ gọi khách ». Ông Nguyễn văn-Vĩnh chua « Mành Tương là cái mành trông ra sông Tương » thì nghĩa hơi nát.

Cho hay là giống *hữu tình.*

Các bản viết là « thói hữu tình ».

Ba thu dồn *lại một ngày dài ghê !*

Ông Vĩnh in là « Ba thu dọn lại . . . »

Mặt tơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.

Các bản chép là « mơ tưởng. »

Cớ chi đem thói khuynh thành trêu người.

Các bản chép là « làm chi... »

Về câu : « xăm-xăm đê nẻo Lam-kiều lần sang », quyển *Kim Vân Kiều truyện chú* có dẫn tích, nhưng dẫn sơ lược ; tưởng nên theo bộ *Liệt-tiên truyện*, quyển 3 tờ 8 b—11 b, dịch ra quốc-văn để độc giả xem một lối truyện thần tiên bên Tàu. Truyện như sau đây :

« Bùi-Hàng là một người học-trò về niên-hiệu Trường-khánh đời Đường, nhân thi hỏng, đi đến chơi Ngạc-chử, thăm bạn cố-cựu là Thôi tướng-quốc. Tướng-quốc tặng 20 vạn tiền, bèn đem cả nhà về kinh. Nhân thuê thuyền to chở đến Tương-hán, nghe trong thuyền có Phàn phu-nhân là người quốc-sắc, Bùi Hàng không làm sao thấy được mặt, bèn nhờ đứa thị-tỳ tên là Niếu-Yên đưa một bài thơ rằng : « Hướng vì Hồ, Việt do hoài tưởng, huống ngộ thiên-tiên cách cầm bình, thảng nhược Ngọc-kinh triều hội khứ, nguyện tùy loan hạc nhập thanh minh », nghĩa là xưa còn Hồ, Việt còn mong tưởng, nay gặp thiên-tiên cách cầm-bình, nếu đến ngọc-kinh cùng hội-hợp, xin theo loan hạc tới thanh-minh. Cách vài ngày, phu-nhân cũng sai thị-tỳ là Niếu-Yên đáp lại một bài thơ rằng : « Nhất ẩm quỳnh-tương bách cảm sinh, Huyền-sương đảo tận kiến Vân-Anh, Lam-kiều tiện thị thần tiên quất, hà tất khi-khu thượng Ngọc-kinh », nghĩa là một chén quỳnh-tương, mấy cảm tình ! Huyền-sương (thuốc tiên) đã hết, thấy (được kết duyên) Vân-Anh, cầu Lam ấy chính nơi tiên ở, Hà tất khi-khu tới Ngọc-kinh ? Bùi Hàng xem thơ, chỉ thấy xấu hổ đỏ mặt, không hiểu ý nghĩa trong thơ là thế nào. Đến Tương-hán, phu-nhân sai thị-tỳ đem hành-lý lên bờ không từ biệt mà đi. Bùi-Hàng đi tìm khắp mọi nơi, không thấy tung-tích gì cả. Sau Hàng đi qua trạm Lam-kiều, nhân khát nước, xuống đường tìm nơi uống, thấy một cái nhà gianh ba bốn gian, có mụ già dệt gai, Hàng vái chào mụ già, xin nước. Mụ già gọi to lên rằng : « Vân-Anh, bưng ra một âu nước để lang quân uống ». Hàng sực nhớ đến câu thơ của Phàn phu-nhân có chữ Vân-Anh, trong bụng lấy làm ngờ lạ, chợt thấy dưới cái khăn mỏng trùm mặt, hai tay nhn ngọc, bưng ra một âu nước, Hàng đỡ lấy uống, không khác gì uống thứ rượu tiên. (Con gái bên Tàu ngày xưa, chưa lấy chồng, khi ra khỏi buồng, thường có khăn mỏng che mặt). Hàng nhân khi đưa giả âu, sẽ mở cái khăn mỏng ở mặt người con gái, thấy sắc đẹp lộng lẫy, đem lòng say mê, nhân nói với mụ già rằng : « Vì ngựa của tôi yếu sức, xin nghỉ tạm đây ». Mụ già nói : « Tùy lang quân tự-tiện ». Một hồi lâu, Hàng bảo mụ già rằng : « Tôi thấy nương-tử sắc đẹp kinh nhân, phong tư vượt chúng, vì thế tôi dùng dằng mà không đi được. Tôi xin nộp lễ cưới làm vợ có được không ? » Mụ già nói : « Mụ già này chỉ có đứa cháu ấy. Hôm nọ có tiên cho một gói thuốc, nhưng phải có chầy cối ngọc dã 100 ngày mới uống được ; nếu nhà ngươi muốn lấy cháu, phải tìm chầy cối bằng ngọc để dã thuốc, ngoài ra vàng lụa ta không dùng đến. » Hàng lạy tạ nói rằng : « xin hẹn 100 ngày thế nào cũng có chầy cối ngọc đem đến, xin đừng gả cho người khác. » Mụ già nói : « Xin y ước. » Hàng đến kinh tìm khắp chầy cối ngọc, chợt thấy một cửa hàng, người bán ngọc nói : « Có chầy cối ngọc không đủ 200 quan không được ». Hàng bèn dốc túi và bán cả ngựa mới đủ giá ấy Chạy vội đem đến Lam-kiều, mụ già trông thấy cả cười nói rằng : « Thế gian có người tín-sĩ như thế ư? » Bèn cho làm-lễ cưới. Người con gái cũng tủm tỉm cười rằng : « Tuy thế còn phải giã thuốc 100 ngày mới bàn đến việc cưới. » Mụ già lấy thuốc ở trong giải áo đưa cho Hàng. Hàng bèn dã, đến tối nghỉ, mà vẫn nghe thấy tiếng dã thuốc. Hàng dòm thì thấy ngọc thỏ cầm chầy mà giã hộ. Đủ 100 ngày, mụ già cầm thuốc mà nuốt, nói rằng : « Ta vào động để bảo họ hàng sắm sửa đồ cưới » Rồi đem người con gái vào núi, bảo Hàng rằng : « Nhà ngươi chờ đây một lúc » Được một lúc có xe ngựa và người hầu đến đón Bùi-Hàng. Hàng thấy một tòa nhà lớn cao sát từng mây, cánh cửa đỏ ánh bóng mặt giời, tiên-đồng thị nữ dẫn Hàng vào rạp làm lễ ; lễ xong, Hàng lạy mụ già cảm tạ không ngừng. Kịp đến khi ra mặt những nhân thích, đều là người thần tiên, trong có một nữ tiên đầu đề trái đào, mặc áo đỏ, hỏi ra là chị vợ. Hàng vái chào xong, nữ tiên nói : « Bùi-lang còn nhớ người cùng đi đò từ Ngạc-chử đến Tương-hán không ? » Hàng xấu hổ đỏ mặt, chỉ biết cảm tạ mà thôi. Các người tả hữu nói rằng : « Ấy là chị nương tử, tên là Vân-Kiều, vợ Lưu-Cương Tiên đó, đã liệt vào bậc cao-nhân, làm nữ sử của Ngọc-hoàng. » Mụ già bèn đem vợ chồng Bùi-Hàng vào trong động Ngọc-phong, cho ở nhà ngọc lầu quỳnh, cho ăn ráng tuyết quỳnh-anh, thân thể mỗi ngày mỗi nhẹ, mao phát xanh biếc, tự nhiên thần hóa, làm bậc thượng tiên,

Đến niên-hiệu Thái-hòa, bạn Bùi-Hàng là Lư-Hiệu gặp ở phía Tây Lam-kiều, Bùi-Hàng kể rõ về việc đắc đạo, và tặng 10 cân mỹ-ngọc ở Lam-điền, một viên Tử-phủ vân-đan. Hiệu nói rằng : « Anh đã đạo đắc, xin dậy cho một lời » Hàng nói : « Ông Lão tử có câu : Trong lòng hư không, trong bụng thực-thả. » Hiệu còn chưa hiểu Hàng lại nói rằng : « Nếu trong lòng còn nhiều vọng tưởng, thì trong bụng không được tinh dịch Hư thực rồi sẽ biết » Nói xong rồi tự nhiên biến đi »

Còn nữa *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

Nam đàn bát châu tục thảo

Lối thơ tân thành lập

Số 7 **Tác-giả : TỪNG-VÂN đạo-nhân**

XII

Chơi thuyền nơi Hậu-đình quan Lý Minh-Phủ

Hoàng Phủ-Nhiễm

Nguyên Đường - âm

Giang nam yên cảnh phục như hà ;
Văn đạo Tân-đình cảnh khả qua.
Xứ xứ nghệ lan xuân phố lục ;
Thê thê tạ thảo viễn sơn đa.
Hồ tràng tu tựu Đào Bành-trạch ;
Phong-tục do truyền Tấn Vĩnh-hòa.
Cảnh sử khinh nhiêu từ chuyển khứ,
Vi phong lạc nhật, thủy tăng ba.

Dịch lối Nam-đàn

Cảnh Giang-nam những thế nào ? xin ướm hỏi ;
Chốn Tân đình, nghe nói cảnh nào hơn ?
Chiều xuân phố, thả viễn-sơn ;
Lan đầy khóm lục, cỏ liền dăm thơm.
Làng tu-khế Vĩnh hòa, xem tục Tấn ;
Chén qui-lai Bành-trạch, thưởng men Đào,
Thuyền lan đủng đỉnh một chèo,
Hay hảy gió chiều, làn biếc sóng đưa.

Chú thích

Giang-nam. — Triền sông Dương-tử (tức Tràng-giang) trở về phía nam là đất Giang-nam có nhiều thắng cảnh.

Tân-đình. — Đình kề sông, là một nơi du thưởng trứ danh về đời Tấn. Hậu-đình ngày nay tức nơi Tân-đình ngày xưa.

Làng tu-khế. — Nhà Tấn, niên-hiệu Vĩnh-hòa thứ chín, tháng mộ-xuân, người danh thần là Vương Hi-Chi hội tập quần hiền, bầy cuộc tu-khế ở Lan-đình, ngoạn thưởng cái cảnh núi non cao tuấn, rừng trúc thanh u, giòng nước trong róc rách bên tả hữu. Trong cuộc người nào người ấy cạn một chén rượu, thành một vần thơ, thi nhau câu tuyệt diệu, tỏ giãi u tình Hi-Chi tay thảo ra bài tựa để ghi chép việc, gọi là « Lan-đình tự », bút pháp tinh mỹ trác tuyệt, trứ danh là thiếp Lan-đình. Phong tục cao nhã ấy còn truyền mãi về sau. (Hi-Chi tự Giật-Thiếu, chức Hữu-quân tướng-quân). Truyện Kiều : « *Khen rằng bút pháp đã tinh ; so vào với thiếp Lan-đình nào thua* ». Tu-khế nguyên là một phong-tục đời Tấn, hàng năm cứ ngày thượng-tỵ, tháng mộ-xuân, rủ nhau tới giòng nước trong, tắm rửa sạch sẽ, để trừ bỏ sự chẳng lành « Khế » nghĩa là « khiết ».

Chén qui-lai. — Đào-Tiềm nhà Tấn, tự Nguyên-Lượng, hiệu Uyên-Minh ; vì bên nhà trồng năm cây liễu, lại hiệu là Ngũ-Liễu tiên-sinh ; làm chức lệnh huyện Bành-trạch. Hồi ấy, triều Tấn, Tống có cuộc thay đổi, Đào coi trọng đạo-đức liêm-sỉ, không chịu y-a với triều Tống, bỏ quan chức về nhà, làm bài *Qui khứ lai từ* để tỏ chí, hàng ngày rót rượu làm thơ. Thơ Đào trứ danh là bình đạm, tự nhiên. Nhà nghèo không có tiền mua rượu, lân lý bè-bạn thường đem lại cho. Nhà Đào thường có khách bạch-y tống-tửu. Đào lại siêng năng việc điền viên sinh-họa. Thơ Đào có câu « *Ý thực đương tu kỷ ; lực canh bất ngô khi* », nghĩa là cơm áo nên ghi chếp ; cầy khỏe chức phận ta. Tính Đào ái cúc, vườn mở ra ba lối để trồng thông, trồng cúc. *Qui khứ lai từ :* « Tam kinh tựu hoang, tùng cúc do tồn ». Đào là hạng người thanh phong, cao tiết, vì với cổ hiền nhân. Phẩm cách ông Đào, thơ Đường rất hay nói đến, cho nên kể rõ ở đây.

Thơ này nói phong tục đời Tấn để ngợi khen lề thói Giang-nam, nói vận sự ông Đào để ám chỉ Lý Minh-Phủ.

Phụ lời kính bạch

Lối thơ Nam-đàn-bát-châu tuy rằng pháp đồ thì theo Đường-luật, cách điệu thì theo Nam-âm, không phải là tân chế tạo đấy thật ; song le vốn có tính cách đặc-biệt, mà thuộc về lối tân thành lập, (Đặc biệt nghĩa là khác với lối thông thường). Như là trong tám câu thì xếp đặt đều có bộ phận, xưng hiệu đều có danh từ, có chính cách, có hoán cách, có lệ rôi chữ, lại có lệ hạn chữ, có chỗ nghiêm nhặt dùng vần, lại có chỗ thong dong miễn vần v.v. . Lại như là câu nhất nhị thì theo bút lực Hat nói cổ mà phải viết phép nhất khí ; câu tam tứ thì theo văn pháp Kim-vân-Kiều mà phải dùng cách cú trung đối (đối trong câu) ; câu ngũ lục thì theo lối thơ cổ, phú cổ mà phải dùng cách hai câu song hàng đối nhau cho chỉnh cho chọi ; câu thất bát thì dùng cách viết lưu thủy mà gián hoặc lại thâu thái Nhạc - phủ với phong dao mà có cách đổi chữ đổi điệu v. v... Những tính cách đặc biệt ấy thì trong lời « Dự thảo bốn điều thể thức chính » đã kể tỉnh tường, hiện đã đăng ở Đông-pháp báo, chứ ngày nay không thể nói hết được. Mới đây có nhiều người chưa hiểu tính cách ấy mà chất vất luôn luôn. Lại có nhiều người tưởng lầm rằng lối thơ Nam đàn bát châu chỉ là trích ra thong thể Lục bát gián thất mà thuộc về lối thông-thường đấy thôi, không có tính-cách gì khác. Vậy nên tiêu biểu ba chữ « tân thành lập ra đây », nghĩa là lối thơ đặc biệt buổi đầu thành lập, khiến cho nhất lãm tỉnh-nhiên, để tiện khi thi gia khảo sát. Ngài nào chửa xem được những thể thức trong tập dự-thảo, thì cứ đem những bài thơ chế tác trong tập thi thảo mà nhận xét dần dần cũng hiểu rõ được tính cách.

Sẽ tiếp

Hà-đông Nguyễn độn Phục

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 9 Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	TRANG	NÓC HỜ
ĐĨNH 珽 Hồ-trọng	tự Tử-tấn	Nghệ-an, Quỳnh lưu	N	36	27a	cũng đọc « Đỉnh »
ĐĨNH 挺 Ngô-công		Hà-tiên, Long xuyên	S	14	9b	nay là Càmau
ĐĨNH 梃 Võ	tự Trực-phủ	Bắc-ninh, Lương tài	N	25	5a	
ĐOÀI 兌 Tô-văn		Gia-định, Bình dương	S	14	2b	cũng đọc « Đoái »
ĐÔ 都 Nguyễn	nhứt danh Điền	Thừa-thiên, Quảng điền	S	9	4b	
ĐỘ 度 Đặng-đại		Quảng-bình, Phong đăng	T	5	34a	
ĐỘ » Lê-huy		Thanh-hóa, Ngọc sơn	N	41	8a	
ĐỘ » Ngô-vận		Sơn-tây, Bạch hạc	N	38	20a	
ĐỘ » Nguyễn-hữu	tự Hi-Bùi	Thanh-hóa, Tống sơn	N	39	14a	
ĐỘ » Tạ-hữu		Nghệ-an, Đông thành	S	29	4b	
ĐỐC 篤 Phan-thị		Khánh-hòa, Tân định	S	29	14b	
ĐÔN 惇 Lê-bá		Nghệ-an, Thanh chương	N	19	7a	
ĐÔN 敦 Trần		Hanoi, Từ liêm	N	41	22b	
ĐÔNG 東 Nguyễn-văn		Gia-định, Bình dương	S	19	7a	nay là vùng Sàigòn
ĐỒNG 仝 Huỳnh-trung		Thanh-nhơn	S	28	2b	Bộ tướng của Hà-hỉ-Văn
ĐỒNG 侗 Ngô-quí	tự Ẩn-chuyên, hiệu Nại-am, biệt hiệu Huyền-đồng-tử	Thừa-thiên, Hương thủy	N	39	20a	
ĐỒNG 同 Phan-bá		Nghệ-an, Đông thành	S	18	8a	
ĐỒNG 董 Mai-văn		Thanh-hóa, Tống sơn	N	40	11a	
ĐỨC 德 Hồ-mậu	tự Lịnh-phủ	Nghệ-an, Quỳnh lưu	N	31	16a	
ĐỨC » Lê-đình		Gia-định, Bình dương	N	33	15a	nay là vùng Sàigòn
ĐỨC » Lê-mãn		Hà-tịnh, Thạch hà	N	43	4b	
ĐỨC » Lê-văn		Vĩnh-long, Bảo an	N	19	9a	nay thuộc cù lao Bảo !
ĐỨC » Ngô-bình	sơ danh Lịnh, tự Chuyết-giả	Bắc-ninh, Đông ngạn	N	26	20b	(Bến tre
ĐỨC » Ngô-công		Hà-tiên, Long xuyên	S	14	9b	nay là Càmau
ĐỨC » Nguyễn-đình		Gia-định,	S	12	4a	
ĐỨC » Nguyễn-huy	tự Thành-phủ	Bắc-thành, Thọ xương	N	42	13b	
ĐỨC » Nguyễn-huỳnh		Định-tường, Kiến hưng	S	7	10b	nay là giồng Trấn-định
ĐỨC » Phan-văn		Bình-định, Bồng sơn	S	25	8a	và Cái ép
ĐỨC » Trần-doãn		Hà-tịnh, La sơn	N	42	2b	
ĐỨC » Trần-hưng		Thừa-thiên, Hương trà	S	5	4 5	
ĐỨC » Trịnh-hoài	nhứt danh An, tự Chỉ-sơn, hiệu Cấn-trai	Trấn-biên, Bình trước	S	11	3b	nay là tỉnh lỵ Biên-hòa
ĐƯỜNG 瑾 Nguyễn		Nghệ-an, Thanh chương	S	20	1617	
ĐƯỜNG 黨 Tôn-thất		Huế	N	11	5a	
98						
Gi						
GIA Nguyễn-hữu		Thừa-thiên, Hải lăng	S	26	8a9b	
GIA Tôn-thất		Huế	N	11	6a	
GIÁ Bùi-văn		Nghệ-an, Nam đàn	N	40	4b	
GIÁC Doãn		Nam-định, Thư trì	N	33	5a	nay là Thái-bình
GIÁC LINH Hòa-thượng		Quảng-đông tỉnh	T	6	26b	
GIÁC NGỘ Hòa-thượng		Gia-định	N	43	8b	

(1) T. : Tiểu - biên, S. : Sơ-tập, N. : Nhị-tập

TIỂU-THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 19 của CHU-THIÊN

TAN tiệc, các quan về cả rồi, Phan-công và Lương-Thoa tỏ ý muốn về Lưu-đạo, Trần-Long và Liên-Tường cố ý lưu lại mà rằng :

— Trình lậy cha, xin cha hãy tạm ở chơi lại đây dăm bữa nửa tháng đợi xem tin tức trên kinh xét xử về em Tái-Tạo ra sao, rồi lúc ấy cha có muốn về, chúng con không dám giữ. Vả cách xa hàng chục năm giời, bây giờ mới lại được sum vầy, chúng con muốn được luôn luôn hầu hạ dưới gối.

Phan-công đành phải chiều ý con ở lại dinh.

Cảm kích vì tấm lòng tốt của chị em Lương Thoa và Lương Điền đối với Phan-công và nhân thấy Lương Điền chưa có vợ, Phan phu-nhân liền ngỏ ý với Phan-công và Lương-Thoa muốn gả Tiểu-Lan cho Lương Điền để thêm tình thân-mật giữa hai nhà. Tiểu-Lan khi ấy đã là một cô gái lớn đầy-đặn khỏe mạnh, với một vẻ đẹp thùy-mị đáng yêu. Cũng có nhiều nhà giàu sang trong hàng trấn đến dạm hỏi, nhưng Tiểu Lan còn quyến luyến Phan phu-nhân, chưa muốn đi lấy chồng, nên phu-nhân cũng chiều không nỡ ép. Vả nàng còn muốn ở nhà để học tập văn-tự ở Liên-Tường và học thêm ít võ phòng thân nữa. Lương Thoa được biết người và biết nết Tiểu-Lan rồi, nay lại thấy ý phu-nhân muốn tác thành cho em như vậy, trong lòng mừng lắm, nhưng không dám nhận ngay, phải đợi hỏi ý kiến Lương Điền đã, liền nói :

— Bẩm lạy lão quan và lão phu-nhân, phu-nhân có lòng thương mà nghĩ đến phận em tiện-thiếp côi-cút, muốn gây dựng cho ra người, ơn đức ấy thật là hơn mẹ thương con, tiện-thiếp xin chân thành cảm tạ. Nhưng tiện-thiếp thiết nghĩ phu-nhân nên hỏi xem ý cô Tiểu-Lan có thương đến phận bọt bèo không.

Phu-nhân nói :

— Điều đó dì hai đừng ngại. Con Tiểu-Lan ngoan lắm, tôi bảo nó nghe ra ngay. Chỉ cần hỏi xem dì và cậu Lương-Điền có bằng lòng không ?

Lương-Thoa liền đáp :

— Bẩm lão phu-nhân, tiện-thiếp cảm kích vì tấm lòng thương chu-đáo của phu-nhân lắm. Được như thế còn gì bằng, thật như cha mẹ sống lại. Chỉ sợ em tiện-thiếp phận hèn không dám với cao chăng, nên xin phép phu-nhân cho tiện-thiếp được về hỏi ý nó xem sao.

Phu-nhân liền giục :

— Thế được. Vậy dì hai về ngay hỏi ý kiến cậu em đi. Nếu được, ta cho làm lễ cưới ngay. Hai trẻ cũng đứng tuổi cả, mà chúng tôi thì một tuổi một già rồi. Thấy con trẻ thành thân, sớm là chúng tôi mừng sớm. Dì hai bảo Liên-Tường vào đây, tôi bảo nó sai sắp võng cho dì về rồi lại sang ngay.

Phan-công nói :

— Muốn mau việc thì bảo sắp ngựa cho nhà hai có hơn không ?

Phu-nhân cười nói :

— À quên, tôi quên mất nhà nữ-kỵ của tôi. Vậy nhờ nhà nữ-kỵ bảo lấy ngựa mà đi.

Lương-Thoa cũng vui cười xin phép lui ra.

Nàng về Lưu-đạo bảo Lương-Điền. Lương-Điền ưng thuận ngay, nên hai chị em lại đưa nhau sang dinh trình rõ mọi ý nghĩ. Lương-Điền và Tiểu-Lan được phép gặp nhau đều tỏ vẻ tâm đầu ý hợp, bằng lòng nhau lắm. Mấy ngày sau cử hành lễ nghinh-hôn ngay từ dinh quan Đề-đốc về xóm Lưu-đạo. Muốn cho đám cưới đôi giai tài gái sắc này có vẻ khác đời Lương-Điền dẫn cưới toàn những quý vật ở trên rừng, với một con hươu một con sơn dương, một gánh nấm hương. Đám cưới rất vui vẻ. Lại tiệc tùng, lại ăn uống luôn mấy ngày. Đưa chân Lương-Điền và Tiểu-Lan về Lưu-đạo rồi, cả gia đình Phan-công và Trần Đề-đốc lại trở về dinh. Thì vừa gặp chế của nhà vua ban xuống ân-xá cho Tái-Tạo. Trong lòng chế, Hoàng-thượng tỏ lời khen Tái-Tạo là bậc kỳ-tài, giữa đường gặp việc nghĩa quyết làm, nên tha cho tội lỗi và giao cho Trần-Long dậy-dỗ để đến tuổi, nhà vua sẽ vời đến bổ dụng vào chức vụ của nước nhà.

Thế là cả nhà phúc-trạch dồi-dào, ai nấy đều tỏ vẻ hân-hoan bái tạ đức Hoàng-thiên đã dành riêng cho nhà họ Phan câu « *Phúc hữu trùng lai* ».

Lưu lại dinh mấy hôm đi cảm tạ quan Tổng-trấn và các quan chức trong trấn, rồi Phan-công định ngày đem cả gia-quyến về Lưu-đạo. Trần-Long và Liên-Tường cố tìm lý lẽ lưu lại rằng :

Khẩn cáo

Bản chí xét sổ còn nhiều bạn mua báo chưa trả tiền.

Vậy các bạn nên kíp gửi ngay mandat về trả cho, chúng tôi rất cảm ơn các bạn

TRI TÂN

— Thưa cha mẹ, cha mẹ bây giờ một tuổi một già, chả còn mấy ngày nữa thì đến cõi. Xin cha mẹ ở lại đây cho chúng con được sớm hôm hầu-hạ. Cha mẹ khó nhọc đã nhiều rồi, chịu bao nhiêu đau đớn vì con gây ra. Nay xin cha mẹ cho phép chúng con được báo hiếu. Và cả nhà sum họp quây - quần lấy nhau cảng vui vẻ cảnh già.

Phan-công liền nói :

— Đã đành rằng như vậy Nhưng cha mẹ có bị vất vả chăng nữa, chẳng qua là số giời bắt vậy để thử người ngay, chứ có phải tại con đâu. Hiếu tâm con đã động đến cả giời đất quỷ thần, nên mới lại có kỳ hội-ngộ này. Nay cha đã quen cảnh núi rừng. và có em con còn bé dại, cha muốn cho nó sống gần cảnh thiên - nhiên để nó dễ luyện nuôi cái tài nó hơn ở đây. Vả từ đây đến đấy nào có xa xôi gì cho lắm. Ta có thể đi lại luôn luôn, thì cha tưởng cũng như là ở liền nách với các con vậy.

Trần-Long không biết nói sao được nữa, đành phải sai sửa soạn võng ngựa, và sắp mọi thức cần dùng, để tiễn đưa Phan-công và Phan phu-nhân về Lưu-đạo. Lúc ra đi, Phan-công ân-cần cói với Trần-Long rằng :

— Hiền-tế ơi ! Lão-phu xin minh tạ tấm lòng quí hóa của hiền-tế đối với cả gia-đình lão-phu. Cứu giúp cho cả một gia đình khỏi tan-nát, lại nuôi nấng tử-tế phu-nhân và cố-công tìm kiếm lão-phu. Thật ở đời này ít có. Lão phu cần về Lưu-đạo, là vì từ khi thoát khỏi ngục-hình, đã sẵn lòng ham thú sơn lâm, tìm nơi u-nhã tĩnh-mịch để di-dưỡng khúc đời dư sinh trong lúc tuổi già, bây giờ thành quen đấy rồi, chứ không có gì khác, hiền-tế nên xét lại mà bỏ qua đi cho.

Trần-Long thưa :

— Dạ ! lạy thưa nhạc-phụ dạy quá, con khi nào dám có bụng thế.

Phan-công lại quay bảo Liên-Tường rằng :

— Con ơi ! từ nay bĩ cực đến tuần thái lai rồi. Tâm địa cha con ta ngay thẳng, ngày nay giời đã đền bù lại cho rồi đấy. Thừa gia nay mừng lại có em con, nối mạch thư hương, nghiệp cũ tổ tôn sau này may ra còn rạng vẻ Con nên một lòng giữ gìn đạo vợ, giúp chồng yên việc trong gia-đình, mà rảnh chí làm việc cho đời.

Lúc ấy sắp sửa đã xong. Phan-công và Phan phu-nhân đã lên võng, Liên-Tường bỗng nước mắt ràn-rụa, nức nở khóc, nói rằng:

— Thưa cha mẹ, đứa con bất hiếu này đã gây nên bao tai vạ để hai thân phải chịu bao nhiêu nỗi lầm than. Ơn sinh thành chưa chút báo đền, phận con trẻ đêm ngày càng áy-náy. Nay mẹ cha về nơi lâm-tầu, cảnh an nhàn dẫu được hả vui ; nhưng xa cách đình-vi, nỗi oán mộ nghĩ đến luống những đau lòng con lắm.

Phán phu-nhân cũng khóc, bảo :

— Con đừng nghĩ quá nó hại đến sức, rồi cha mẹ lại đến luôn, có đi mất đâu mà ngại ?

Tiểu-Lan cũng rươm-rướm nước mắt, bảo Liên-Tường :

— Thưa phu-nhân, việc hầu-hạ lão quan và lão phu nhân tiện-tỳ xin đảm nhận, phu nhân ngày thường đến thăm viếng luôn cũng tiện. Phu nhân không nên quá lo xa.

Liên-Tường liền nín lặng lau nước mắt gọi Tái Tạo mà dặn rằng :

— Em Tái Tạo ạ, em nên vì đứa chị mạnh bạc này mà thờ phượng hai thân thay chị, cho chị được yên lòng vững dạ. Còn em, em nên cố học hành tu tiến, để sau này làm nên được sự nghiệp lẫy lừng, thì chị đây cũng được chút phần vinh-hạnh.

còn nữa

CHU-THIÊN

Để đăng tiếp sau Tiểu-thuyết « *Trúc mai sum-họp* », Tri-Tân sẽ hiến bạn đọc một truyện rất hứng-thú.

Vấn-đề sử-học ở ta

Tiếp theo trang 3

« *Tiền châu-tước : hòn Cân, hòn Cổ;*
« *Hậu huyền-võ: hòn Đỏ, hòn Đen ;*
« *Tả thanh long có đảnh Cù mông ;*
« *Hữu bạch-hổ có đảo Tó-mọ* »

— Tài-liệu của anh Lê Thọ-Xuân

3) Nghĩa : Đại-la-thành là kinh-đô xưa, đóng ở giữa khu vực trong trời đất, được cái hình thế rồng uốn hổ chầu, ở cái địa - vị ngay giữa nam, bắc, đông, tây, có cái tiện nghi của non sông hướng về hay day lại. Đất - đai thì rộng rãi mà bằng-phẳng, cao ráo mà sở sang. Nhân dân đã không có cái nạn tối-tăm trũng thấp ; muôn vật lại rất là phồn thịnh đầy-đủ. Xem suốt nước Việt, đấy là đất đẹp hơn cả. Thật là nơi đô-hội trọng-yếu của bốn phương đông-đảo và là chốn kinh đô bực nhất của đế - vương... — Toàn văn chữ nho có in trong nhiều pho Quốc-sử và có dẫn trong *Hoàng việt Văn tuyển* quyển V, tờ 1 của Bùi Tồn Am.

4) Nay là phủ Lý-nhân.

Hai quyển sách cần cho ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho muốn biết thêm :

Chữ nho học lấy | ***Mẹo chữ hán***

Cử nhân Dương Bá-Trạc *soạn* | Bùi Trình-Khiêm *soạn*
Giá 1p — Cước 0p12 | Giá 0p35 — Cước 0p06
Để cho : hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Mới phát hành

Học-thuyết mặc-tử

Tựa của cụ NGUYỄN-VĂN-TỐ, *trường* Bác-cổ Viễn-đông

Sách thường giá 1p50 — Sách đẹp, lệnh-chỉ 3p00, bouffant 4p00. Vergé baroque crème 7p00. Ngự-chỉ đặc biệt 5p00—(Có đánh số và chữ ký của tác giả)

Sắp phát-hành

Liêu trai chí dị

Toàn những chuyện chọn-lọc, chưa dịch ra quốc-văn bao giờ, cuốn sách đầu tiên trong tủ sách « TIÊU-KHIỂN »

Tôn-tử binh-thư

Một bộ BINH-THƯ vạn cổ không bao giờ giảm giá hay thất-thời, đã được dịch ra Pháp-văn từ ngót hai thế-kỷ nay,

Thư từ ngân phiếu đề cho

Ô. Lê văn Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã

16 bis Tien Tsin Hanoi

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p.00 một vé

Những sách của

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton Hanoi

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25

2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 p.50

3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 p.50

4·) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 p.80

5·) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duỷ-Khiêm 1 p.50

ĐANG TẠI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 ·/.

Đang in

VIỆT-NAM CỔ VĂN HỌC SỬ

tác giả Nguyễn đổng-Chi, *tựa của* Trần-v-Giáp

Lời bạt của HUỲNH THÚC-KHANG

500 trang — Bìa của Nguyễn đỗ Cung —

Giá 4p50 — Bản Impérial d'Annam : 25p —

Bản dó lụa sông Thao : 20p —

Bản Super Glacé ; 15p

Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10·/. và không phải trả tiền bưu phí

→ **HÀN-HUYÊN**

— 71 Tien Tsin Hanoi

VŨ-NGỌC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p

Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông-dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp-chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »

Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về : Nhà in Tân-Dân

93, Phố Hàng Bông. Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng

Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi